SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5100.101.762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Giang cấp, thay đổi lần thứ hai ngày10/09 /2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết số…/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội cấp ngày….tháng….năm 2009)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

1. **Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang**
   Số 390, Đường Nguyễn Trãi, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang
   Điện thoại: (84).0219.3866.708 Fax: (84).0219.3867.068
2. **Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội (VCSC-HN)**
   Tầng 5, 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
   Điện thoại: (84).4.626.26.666 Fax: (84).4.627.82.688

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Đào Xuân Tuất

Chức vụ: Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Trưởng phòng Tổ chức hành chính

Điện thoại: (84).0219.3866.708 Fax: (84).0219.3867.068

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ VÀ KHOÁNG SẢN HÀ GIANG

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5100.101.762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Giang cấp, thay đổi lần thứ hai ngày 10/09/2009)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**

Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**

Mệnh giá: **10.000 đồng/ cổ phiếu**

Tổng số lượng niêm yết: 6.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết: **60.000.000.000 đồng**

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Địa chỉ: Số 8 - Phạm Ngọc Thạch, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3.852 4123 Fax: (84-4) 3.852 4143

Website: **www.deloitte.com.vn**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội (VCSC-HN)

Địa chỉ: Tầng 5, 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84).4.626.26.666 Fax: (84).4.627.82.688

Website: **www.vcsc.com.vn**

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO 6

1. Rủi ro biến động kinh tế 6
2. Rủi ro tỷ giá hối đoái 6
3. Rủi ro pháp luật 7
4. Rủi ro đặc thù 8
5. Rủi ro liên doanh với đối tác Trung Quốc 8
6. Rủi ro khác 8

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH 8

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang 8

2. Tổ chức Tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội (VCSC - HN) ... 9

III. CÁC KHÁI NIỆM 9

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT 10

1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết 10
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 10
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty 13
4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông 16
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết: 18
6. Hoạt động kinh doanh 19

6.1 Các loại sản phẩm 19

6.2 Doanh thu, lợi nhuận từng loại sản phẩm dịch vụ 21

6.3 Nguyên vật liệu 22

6.4 Chi phí sản xuất 25

6.5 Trình độ công nghệ của Công ty 25
6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới 28
6.7 Tình hình quản lý và kiểm tra chất lượng sản phẩm 28
6.8 Hoạt động Marketing và hệ thống phân phối sản phẩm 29
6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền 30
6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết 30
7 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 32
7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 32
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua 33
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành 35
8.1 Vị thế công ty trong ngành 35
8.2 Triển vọng phát triển của ngành 38
Định hướng phát triển của Công ty 39
9. Chính sách đối với người lao động 40
10. Chính sách cổ tức 42
11. Tình hình hoạt động tài chính 42
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản 42
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 47
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng 48
13. Tài sản của Công ty 66
14. Kế hoạch hoạt động của Công ty trong những năm tới 72
14.1 Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức giai đoạn 2009 - 2011 72
14.2 Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 2009 – 2013 74
14.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên 77
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức 78
16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty 78

17. Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng để giá của cổ phiếu niêm yết 78

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT 79

1. Loại chứng khoán: 79

2. Mệnh giá: 79

3. Tổng số chứng khoán niêm yết: 79

4. Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy đinh của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết. 79

5. Phương pháp tính giá 80

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài 80

7. Các loại thuế có liên quan 80

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT 82

PHỤ LỤC 82

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro biến động kinh tế

Sản phẩm của Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang chủ yếu được xuất khẩu chính vì vậy những biến động vĩ mô của nền kinh tế thế giới ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu tiêu thụ sản phẩm cũng như giá bán sản phẩm của Công ty.

Thời gian qua cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu bắt đầu từ Mỹ đã lan rộng ra toàn thế giới và để lại những hậu quả nghiêm trọng. Cuộc khủng hoảng đã làm tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới và nhu cầu tiêu thụ sản phẩm bị sụt giảm. Điều này đã dẫn đến nhu cầu nhập khẩu sản nguyên vật liệu thô sụt giảm trên toàn cầu. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Công ty. Với những nỗ lực của Chính phủ các nước thực hiện các gói cứu trợ kinh tế, nền kinh tế thế giới đã dần ngừng suy giảm và bước đầu hồi phục, nhu cầu nguyên vật liệu thô đã tăng trở lại. Mặc dù vậy, các chuyên gia và cơ quan nghiên cứu kinh tế trên thế giới dự báo vẫn còn nhiều thách thức phía trước trong quá trình hồi phục của nền kinh tế thế giới. Bất kỳ khó khăn nào làm chậm quá trình hồi phục kinh tế thế giới cũng là rủi ro tiềm ẩn đối với HGM vì nhu cầu tiêu thụ sản phẩm của Công ty gắn liền với quá trình tăng trưởng kinh tế.

Cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu bắt nguồn từ Mỹ đã ảnh hưởng và tác động ra toàn thế giới trong đó có Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng năm 2008 của nước ta đã tụt giảm, chỉ đạt 6,5% so với mức kế hoạch 8,5% và mức trung bình 7,5% hàng năm, lãi suất ngân hàng tăng cao, tỉ giá hối đoái biến động không ngừng. Tất cả những yếu tố này tác động trực tiếp đến chi phí đầu vào của Công ty.

Với sự nỗ lực của các nước trên thế giới và Việt Nam, nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng đã có những chuyển biến tích cực. Sự tăng trưởng ổn định và bền vững của nền kinh tế sẽ tác động tích cực đến sức cầu các sản phẩm của Công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro tỷ giá hối đoái

Phần lớn doanh thu bán hàng của Công ty đều là Đô la Mỹ, do đó sự biến động của tỷ giá hối đoái sẽ tác động đến doanh thu của Công ty, gây ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Năm 2008 được giới phân tích tài chính coi là "năm bất ổn của tỷ giá", thị trường tỷ giá biến động rất phức tạp *(xem biểu đồ bên dưới).*

Chịu tác động từ suy thoái của nền kinh tế Mỹ cũng như cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, tỷ giá đồng Việt Nam so với USD đã có những biến động đột biến theo xu hướng tăng trong năm 2008.

Biến động tỷ giá trong năm 2008

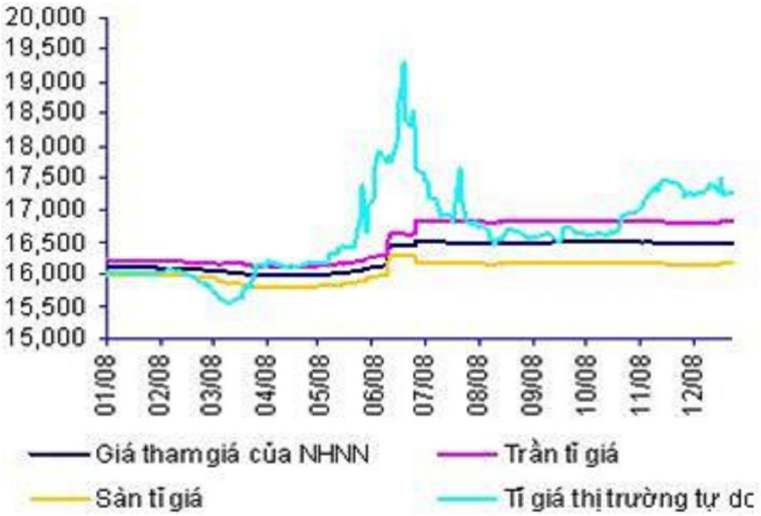

Nguồn : Tổng Cục thống kê

Cuối quý 1 năm 2009, với việc Ngân hàng Nhà nước nới rộng biên độ tỷ giá giữa VND và USD lên +/- 5%, xuất khẩu sụt giảm và sự suy giảm các dòng vốn đầu tư nước ngoài từ đầu năm 2009 đến nay, việc nới lỏng tiền tệ và hạ lãi suất cơ bản đã làm tăng kỳ vọng về việc đồng VND mất giá. Tuy vậy, tính từ đầu năm đến nay, đồng VND cũng chỉ giảm nhẹ 1,8% so với đồng USD. Theo Ngân hàng nhà nước, với việc điều hành tỷ giá theo hướng hỗ trợ xuất khẩu đồng thời tránh nguy cơ "đô la" hóa, tỷ giá VND/USD dự kiến sẽ tiếp tục giảm khoảng 5% so với USD và duy trì ở mức 18.700 VND/USD vào cuối năm.

3. Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Khoáng sản, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật khác. Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Cạnh tranh, Luật Thương mại và Luật Sở hữu trí tuệ cũng đã được Quốc hội thông qua góp phần tạo nên một môi trường pháp lý hoàn chỉnh và đồng bộ, một môi trường đầu tư – kinh doanh cạnh tranh thông thoáng, minh bạch, bình đẳng và lành mạnh cho các doanh nghiệp.

Tuy nhiên, Luật và các văn bản dưới Luật của Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Doanh nghiệp.

Ngoài ra, trong quá trình hội nhập thương mại toàn cầu, thể hiện qua sự gia nhập tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), các doanh nghiệp Việt Nam đứng trước cơ hội làm ăn với các doanh nghiệp nước ngoài, đồng thời cũng phải đối mặt với nhiều khác biệt về luật pháp và định chế tài chính. Doanh nghiệp muốn hội nhập tốt phải am hiểu sâu sắc luật pháp và thông lệ quốc tế để bảo vệ doanh nghiệp trước những rủi ro do không am hiểu luật pháp mang lại.

4. Rủi ro đặc thù

Do sản phẩm của Công ty thuộc nhóm tài nguyên và chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường nước ngoài như Nhật Bản, Trung Quốc và Châu Âu. Do vậy, bất cứ thay đổi nào của Nhà nước về việc hạn chế hoặc khuyến khích xuất khẩu tài nguyên antimon, chì kẽm hay thay đổi thuế xuất khẩu, thay đổi các quy định về môi trường đều có ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Công ty.

Hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, Công ty phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về môi trường, an toàn lao động… Việc đáp ứng các yêu cầu ngặt nghèo về môi trường như xử lý chất thải, hoàn thổ, trồng rừng sau khai thác, hạn chế ô nhiễm nguồn nước, sẽ phát sinh thêm chi phí và do vậy ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.Hiện nay quy trình khai thác và chế biến của Công ty đã được cấp chứng chỉ ISO 9000-2002 từ tháng 11/2008 về quản lý môi trường nhằm kiểm soát các ảnh hưởng tới môi trường.

5. Rủi ro liên doanh với đối tác Trung Quốc

Công ty thực hiện liên doanh với đối tác Trung Quốc khai thác quặng chì và kẽm vào ngày 3/11/2003 với thời gian hợp tác kinh doanh là 5 năm. Do đó rủi ro về hợp tác liên doanh với đối tác Trung Quốc hiện tại chỉ phụ thuộc vào việc quyết toán tài sản của liên doanh.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoạ .v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Do mỏ của Công ty hoạt động trên núi, tình trạng mưa lũ thường xảy vào quý 1, 2 và tình trạng thiếu điện cũng thường xuyên xảy ra ảnh hưởng tới hoạt động khai thác và sản xuất của Công ty. Để khắc phục tình trạng trên, Công ty đã chủ động tăng cường hoạt động khai thác vào quý 3 và 4 để bù vào tình trạng mưa lũ xảy ra vào quý 1 và 2, cũng như Công ty đã trang bị máy nổ chạy điện để phòng bị khi thiếu mất điện.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết – Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Ông **Ma Ngọc Tiến**	Chức vụ:	**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**
Ông **Trịnh Ngọc Hiếu**	Chức vụ:	**Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc**
Bà **Lương Thị Tuyết**	Chức vụ:	**Trưởng ban kiểm soát**

Ông **Đỗ Khắc Hùng** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức Tư vấn – Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt – Chi nhánh Hà Nội (VCSC - HN)

Ông **Nguyễn Quang Bảo** Chức vụ : **Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt – chi nhánh Hà Nội (VCSC - HN) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	:	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
Tổ chức niêm yết	:	Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
HGM	:	Tên viết tắt của công ty CP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
BGĐ	:	Ban Giám Đốc
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
VCSC-HN	:	Công ty Cổ phần Chứng Khoán Bản Việt – Chi Nhánh Hà Nội
DT	:	Doanh thu
BHXH	:	Bảo hiểm xã hội
BHYT	:	Bảo hiểm y tế
MT	:	Mét khối tấn
FOB	:	Cước giao trên tàu biển
A-H	:	Nhãn hiệu sản phẩm Antimon
CP	:	Cổ phần
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên

UBCKNN	:	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
BCC	:	Hợp đồng hợp tác kinh doanh
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên công ty : **Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang**
- Tên tiếng Anh : **Ha Giang Mineral and Mechanics joint stock company**
- Tên viết tắt : **HGM**
- Website : **www.hgm.vn**
- Biểu tượng :
- Tên giao dịch quốc tế: **Ha Giang Mining**
- Vốn điều lệ hiện tại: **60.000.000.000 (Sáu mươi tỷ) đồng**
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số *5100.101.762* thay đổi lần thứ hai ngày 10/09/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp, phạm vi lĩnh vực hoạt động của Công ty bao gồm:
  - Tổ chức thăm dò, khai thác và chế biến các loại khoáng sản
  - Sản xuất, gia công các mặt hàng cơ khí, xây dựng và lắp đặt các công trình điện vừa và nhỏ có cấp điện áp đến 35KV
  - Tổ chức các dịch vụ kinh doanh xuất nhập khẩu.
  - Xây dựng và lắp đặt các công trình công nghiệp, giao thông và xây dựng

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

2.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang, tiền thân của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được thành lập vào năm 1995 và sau đó hợp nhất với Công ty công ty Khai thác và Chế biến Khoáng sản Hà Giang thành Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Giang.

Đến năm 1996, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang được cấp giấy phép khai thác khoáng sản quặng antimon tại mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, Yên Minh, Hà Giang. Vào tháng 10 năm 2000, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang tiến hành tổ chức khai thác mỏ Antimon theo quy mô khai thác công nghiệp.

Tiếp đó vào năm 2002, dây truyền tuyển quặng Antimon của Công ty cho ra sản phẩm đầu tiên.

Năm 2003, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang nhận giấy phép khai thác tận thu khoáng sản Chì Kẽm tại điểm quặng tại xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang. Trong năm, Công ty nhận được Giấy phép đầu tư số 01/GP-HG của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang ngày 3/11/2003 về việc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Vân Nam – Trung Quốc) với thời gian hợp tác kinh doanh là 5 năm.

Vào tháng 1/2003, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang khánh thành nhà máy Luyện Antimon kim loại tại xã Mậu Duệ công suất 1.000 tấn/năm

Đến năm 2005, thực hiện chủ trương của Đảng - Nhà nước chuyển đổi mô hình sản xuất từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang được cổ phần hóa theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang. Cũng vào tháng 12/2005, Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang khánh thành nhà máy tuyển tinh chì kẽm tại xã Minh Sơn Bắc Mê. Tháng 2 năm 2006 Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang chính thức đi vào hoạt động với vốn điều lệ bằng 10 tỷ đồng theo số 1003.0000.27 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 28/02/2006.

Khi cổ phần hoá, vốn chủ sở hữu này được chia thành 1.000.000 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng.

Ngày 13 tháng 7 năm 2009, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 60 tỷ đồng theo thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 01 số 5100.101.762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp.

Ngày 10 tháng 9 năm 2009, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 02 số 5100.101.762 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp.

2.2. Quá trình tăng vốn

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01 ngày 31/03/2009 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị phiên họp thứ 17 của Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang số 05/NQ-HĐQT ngày 10/06/2009, Công ty tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 60.000.000.000 đồng bằng cách phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu. Công ty đã tiến hành thủ tục đăng ký phát hành cổ phiếu với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và

UBCKNN không có ý kiến phản đối về việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ của Công ty.

Thông tin về đợt phát hành cổ phiếu thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu:

Số lượng chứng khoán phát hành	: 5.000.000 cổ phiếu
Giá trị chứng khoán phát hành (theo mệnh giá)	: 50.000.000.000 đồng
Tỷ lệ thực hiện	: cổ đông sở hữu 01 (một) cổ phiếu thì được 05 (năm) cổ phiếu phát hành thêm.
Nguồn thực hiện	Từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, Vốn khác của chủ sở hữu, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
Số lượng cổ đông hiện hữu	: 103 cổ đông
Ngày phát hành cổ phiếu thưởng	: 26/06/2009

Biểu 1: Quá trình tăng vốn điều lệ

Thời điểm	Hình thức	Căn cứ	Nguồn thực hiện	Vốn điều lệ	Tỷ lệ cổ phiếu phân phối	Số lượng cổ đông được phân phối
Khi thành lập công ty cổ phần (Tháng 2/2006)				10.000.000.000 VND	100%	103
(Tháng 06/2009)	Phát hành cổ phiếu thưởng: 5.000.000	Nghị Quyết Đại Hội Cổ Đông số 01/NG-DHCĐTN	Từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển, Vốn khác của chủ sở hữu, Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu để phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	60.000.000.000 VND	100%	103

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

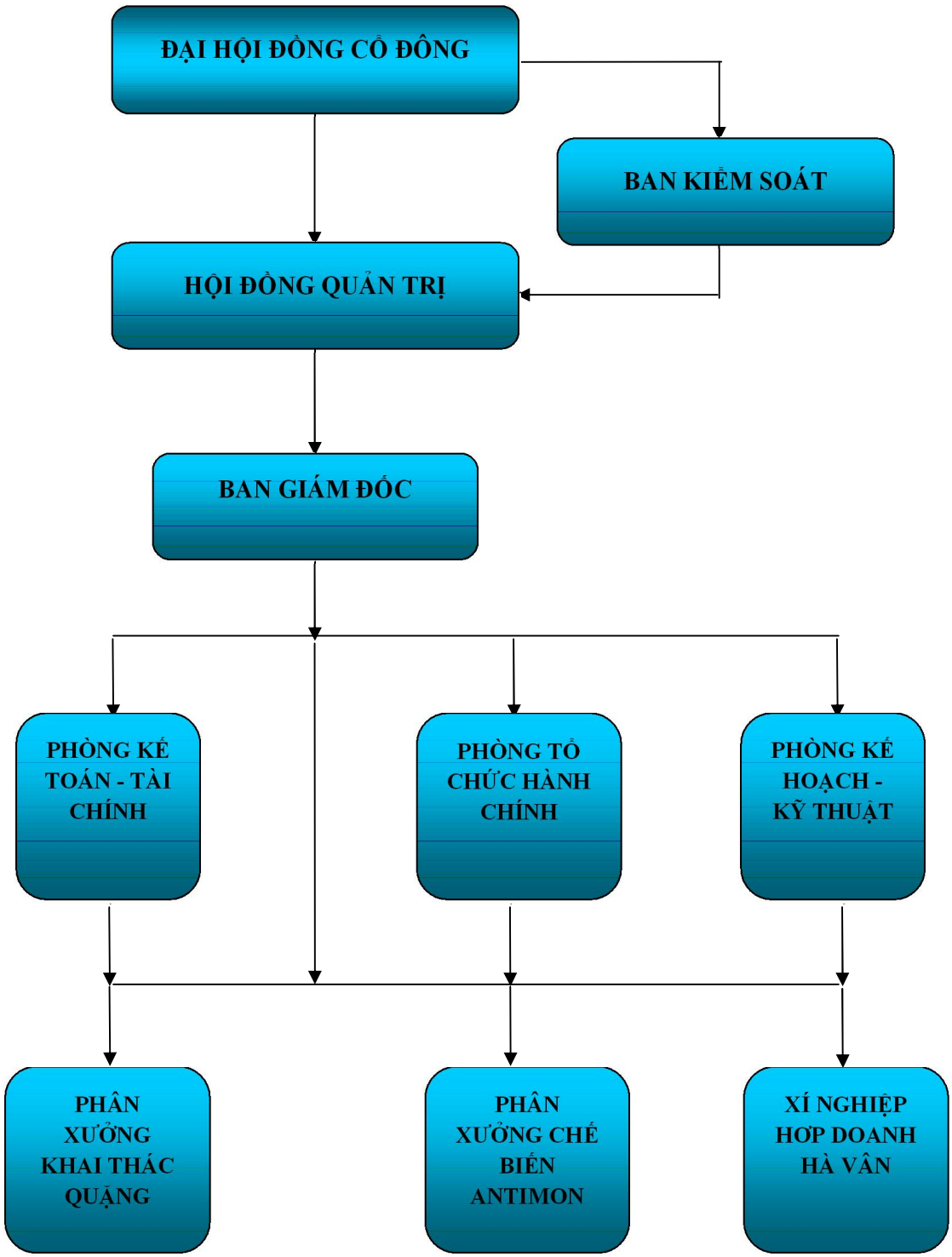

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện nay HĐQT của Công ty có 05 thành viên bao gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

Ông Ma Ngọc Tiến	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty
Ông Phạm Thành Đô	Ủy viên HĐQT
Ông Lê Thanh Tuấn	Ủy viên HĐQT
Ông Đào Xuân Tuất	Ủy viên HĐQT

Ban Giám đốc

Ban giám đốc của Công ty bao gồm Giám đốc và 01 Phó giám đốc. Giám đốc là người điều hành và có quyền quyết định cao nhất về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc uỷ quyền và phân công theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty. Cơ cấu Ban giám đốc hiện tại như sau:

Ông Trịnh Ngọc Hiếu	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc

Ban kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát hiện nay bao gồm:

Bà Lương Thị Tuyết	Trưởng Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên Ban kiểm soát
Ông Lê Hoài Phong	Thành viên Ban kiểm soát

Các phòng ban chức năng:

Phòng Kế toán - tài chính: Quản lý công tác tài chính, bao gồm lựa chọn việc quản lý huy động, sử dụng các nguồn vốn, quản lý các hoạt động đầu tư và quản lý tài sản tiền mặt; quản lý công tác kế toán, bao gồm kế toán thuế theo pháp luật về thuế và chuẩn mực kế toán Việt Nam, kế toán quản trị theo hệ thống quản lý của Công ty; quản lý công tác thống kê, bao gồm: tổ chức thu thập, xử lý và cung cấp thông tin, lưu giữ các dữ liệu hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh; tổ chức và quản lý công tác kiểm toán nội bộ.

Phòng Tổ chức Hành chính: Tổ chức, quản lý công tác hành chính, quản trị của công ty; Quản lý và tổ chức thực hiện các dịch vụ công cho hoạt động của công ty; Thông tin liên lạc, nhà khách, nhà ăn tập thể, xe con và tiếp khách. Quản lý công tác tổ chức về cơ cấu tổ chức sản xuất, kinh doanh, nhân sự, thi đua khen thưởng, kỷ luật, thanh tra, pháp chế, bảo vệ chính trị nội bộ; quản lý công tác đào tạo; quản lý công tác tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội.

Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật: Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và định hướng chiến lược phát triển của Công ty; điều độ sản xuất và tổng hợp số liệu về mọi hoạt động của Công ty; chủ động cung ứng kịp thời đầy đủ các vật tư, nguyên liệu cho sản xuất; quản lý và giám sát công tác đầu tư xây dựng. Ngoài ra, phòng còn có nhiệm vụ quản lý, sửa chữa, bảo dưỡng, cung ứng vật tư, hệ thống máy móc thiết bị, dây truyền tuyến quặng, công tác đầu tư mới của Công ty. Tham mưu cho Ban Giám đốc về các lĩnh vực: quản lý công nghệ sản xuất, chất lượng sản phẩm/ hàng hóa của Công ty và cũng có chức năng thực hiện thăm dò, khảo sát địa chất, nâng cấp và tìm kiếm mỏ mới để xác định chi tiết trữ lượng quặng của các mỏ cần khai thác. Việc thăm dò của phòng được diễn ra liên tục trên địa bàn trong và ngoài Tỉnh.

Ngoài ra, Công ty còn có 02 phân xưởng và 01 xí nghiệp hợp doanh có các chức năng sau:

Phân xưởng khai thác quặng: Trực tiếp quản lý, vận hành, bảo trì các hệ thống, thiết bị và khai thác quặng thô cho sản xuất, kinh doanh của Công ty. Hiện tại ở phân xưởng khai thác quặng có hơn 100 lao động.

Phân xưởng chế biến Antimon: Trực tiếp quản lý và khai thác, vận hành các công đoạn sản xuất Antimon từ hệ thống tiếp nhận nguyên nhiên vật liệu, phụ gia, xử lý, tồn trữ, nung luyện Antimon và xuất Antimon cho khách hàng; tổ chức, quản lý, vận hành, bảo trì toàn bộ thiết bị được giao cho phân xưởng, thực hiện đầy đủ nội quy, quy trình, quy phạm về kỹ thuật an toàn, để duy trì thiết bị hoạt động ổn định cho năng suất cao, chất lượng tốt; quản lý, phối hợp với phòng kỹ thuật tổ chức thực hiện Công tác sửa chữa thiết bị và nâng cao tay nghề. Nhà máy Chế biến Antimon kim loại có công suất 1000 tấn kim loại/năm, đặt tại xã Mậu Duệ, huyện

Yên Minh, tỉnh Hà Giang.

Xí nghiệp hợp doanh Hà Vân: Nhà máy chì-kẽm Tà Pan được đầu tư xây dựng từ đầu năm 2004, đây là kết quả hợp tác trực tiếp đầu tư của Công ty Hữu hạn Kinh mậu Chúng Thao Vân Nam (Trung quốc) và Công ty Cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang (Việt Nam) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 20/11/2003 giữa Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang và Công ty TNHH Kinh Mậu Chúng Thao (Vân Nam – Trung Quốc) và Giấy phép đầu tư số 01/GP-HG của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang ngày 3/11/2003 với thời gian thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh là 5 năm (không kể 6 tháng làm đường và kéo điện vào khu vực mỏ). Như vậy, hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã kết thúc vào ngày 3/5/2009. Nhà máy có tổng mức đầu tư 1.083.000 USD, trong đó phía Việt Nam đóng góp 324.900 USD, tương đương 5.048.224.341 đồng, chiếm 30% liên doanh, phía Trung Quốc đóng góp 758.100 USD, tương đương 11.775.708.336 đồng, chiếm 70% liên doanh. Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế với Nhà nước Việt Nam, lợi nhuận sẽ được trích Quỹ dự phòng Tài chính và Quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh. Lợi nhuận còn lại sau khi trích quỹ sẽ được chia theo tỷ lệ vốn góp là phía Việt nam được hưởng 30%, phía Trung Quốc hưởng 70%. Nhà máy Tuyển quặng chì kẽm, thuộc Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân, xã Minh Sơn, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang, công suất tuyển 300 tấn quặng/ngày. Hàng năm sẽ cung cấp cho thị trường xuất khẩu 5.800 tấn đến 6.000 tấn tinh quặng chì-kẽm, với hàm lượng bình quân từ 50 đến 55% sản phẩm tinh quặng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Hiện tại nhà máy có 100 lao động. Đặc biệt, trong quá trình xây dựng và vận hành nhà máy, các nhà đầu tư và đơn vị thi công đã chú trọng đến việc bảo vệ môi trường ngay trong quá trình xây dựng và cả khi nhà máy bước vào hoạt động, nước thải được xử lý và sử dụng tuần hoàn, khép kín, không làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty, danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cơ cấu cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5%.

Biểu 3: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty (Tại thời điểm 24/09/2009)

Tên cổ đông	Địa chỉ	Số CP	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	51A, Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.938.140	48,97
Công ty cổ phần khoáng	Phòng 1102 toà nhà Harec, 4A Láng	300.000	5%

sản Đông Dương	Hạ, Hà Nội		
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	Phòng 2, Lầu 19, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Q 3 , T.P. Hồ Chí Minh	360.000	6%
Quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt	Phòng 2, Lầu 19, Centec Tower, 72-74 Nguyễn Thị Minh Khai, Q 3 , T.P. Hồ Chí Minh	360.000	6%
Tổng		4.215.180	65.97%

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang thời điểm 24/09/2009)

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1003.00027 ngày 28/02/2006 như sau:

Biểu 4: Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Đại diện vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp : Đại diện : Ông Ma Ngọc Tiến	51A, Trần Khánh Dư, Hoàn Kiếm, Hà Nội	489.690	48,97%
2	Đại diện Công ty XNK Petrolimex Đại diện : Ông Nguyễn Ngọc Hưng	54-56 Bùi Hữu Nghĩa, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh	120.000	12%
3	Trịnh Ngọc Hiếu	Tổ 2, phường Quang Trung, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang	21.300	2,13%
4	Phạm Thành Đô	Tổ 34, Hoàng Cầu, Ô chợ Dừa, thành phố Hà nội	5.000	0,5%
5	Đào Xuân Tuất	Tổ 8 phường Minh Khai, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang	7.160	0,716%

6	Vốn của các cổ đông khác	Số 390 đường Nguyễn Trãi, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang	356.850	35,685%

Doanh nghiệp chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ 28/2/2006, tính đến thời điểm hiện nay (ngày 24/09/2009) các hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập không còn hiệu lực.

4.3 Cơ cấu cổ đông của Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

Biểu 5: Cơ cấu cổ đông của Công ty (thời điểm *24/09/2009*)

TT	Cổ đông	Số lượng CP	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sáng lập	3.425.420	34.252.400.000	57,71%
2	Cổ đông phổ thông	2.574.580	25.745.800.000	42,29%
	Tổng	**6.000.000**	**60.000.000.000**	**100%**
1	Cổ đông Nhà nước	2.938.140	29.381.400.000	48,96%
2	Cán bộ công nhân viên	418.060	4.180.600.000	6,96%
3	Cổ đông bên ngoài	3.350.200	33.502.000.000	44,08%
4	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
	Tổng	**6.000.000**	**60.000.000.000**	**100%**
1	Cổ đông trong nước	6.000.000	60.000.000.000	100%
2	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
	Tổng	**6.000.000**	**60.000.000.000**	**100%**

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết:

- Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết: Không có
- Danh sách công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang: Không có.

- Danh sách những công ty mà Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Các loại sản phẩm

Sản phẩm chính của Công ty là các loại thành phẩm Antimon, quặng chì và kẽm:

Sản phẩm Antimony của Công ty

Sản phẩm quặng Chì, Kẽm của Công ty

Sản phẩm chính của Công ty là thành phẩm kim loại Antimon mang nhãn hiệu A – H, hàm lượng Antimon đạt 99,95% Sản phẩm Antimon của Công ty đạt tiêu chuẩn quốc tế, đủ điều kiện được giao dịch trên thị trường thế giới, đươc bạn hàng đánh giá cao về mặt chất lượng. Được xuất khẩu 100% cho các nước có nền công nghiệp chế tạo trình độ phát triển cao như Nhật Bản, Hà Lan và Vương quốc Bỉ.

A-H là nhãn hiệu được tôn vinh bình chọn trong số 94 doanh nghiệp trong cả nước năm 2004, đến nay vẫn là số 1 toàn quốc được quốc tế ghi nhận.

Antimon ở dạng nguyên tố là một chất rắn kết tinh dễ nóng chảy, cứng màu trắng bạc có tính dẫn điện và dẫn nhiệt kém và bay hơi ở nhiệt độ thấp. Là một á kim, antimon tương tự như kim loại ở bề ngoài và nhiều tính chất cơ lý, nhưng không phản ứng như các kim loại về mặt hóa học. Nó cũng bị tấn công bởi các axít và các halogen theo phản ứng ôxi hóa-khử.

Các hợp chất của Antimon trong dạng các ôxít, sulfua, antimonat natri, triclorua antimon được dùng làm các vật liệu chống cháy, men gốm, thủy tinh, sơn, sứ. Triôxít Antimon là hợp chất quan trọng nhất của Antimon và sử dụng chủ yếu trong các vật liệu ngăn lửa. Các ứng dụng ngăn lửa bao gồm các thị trường như quần áo và đồ chơi trẻ em, các lớp bọc ghế ngồi trong ô tô và máy bay. Nó cũng được dùng trong công nghiệp sản xuất composit sợi thủy tinh như là phụ gia cho nhựa polyeste cho các mặt hàng như lớp che bọc động cơ máy bay hạng nhẹ. Nhựa này sẽ bắt cháy khi có lửa nhưng nó sẽ bị dập tắt ngay khi lửa bị loại bỏ. Sulfua antimon là một trong các thành phần của diêm an toàn.

Antimon được sử dụng ngày càng gia tăng trong công nghiệp bán dẫn để sản xuất các điốt, các thiết bị phát hiện bằng tia hồng ngoại và các thiết bị dùng hiệu ứng Hall. Ở dạng hợp kim, nó tăng mạnh độ cứng và sức bền cơ học của chì. Một trong các ứng dụng quan trọng nhất của Antimon là tác nhân làm cứng trong chì để làm các loại ắc quy.

Tóm lại, antimon được sử dụng trong các ngành công nghiệp sản xuất:

- Các vật liệu chống cháy
- Ắc quy
- Hợp kim chống ma sát
- Hợp kim đúc chữ in
- Lớp bọc cho sợi cáp
- Diêm
- Các loại thuốc phòng trừ sinh vật nguyên sinh ký sinh
- Hàn chì
- Hàn thiếc – một vài loại thiếc hàn "không chì" chứa 5% Sb
- Các vòng bi chính và lớn trong động cơ đốt trong (dưới dạng hợp kim)
- Dùng trong các máy in kiểu linô

Hiện tại, Công ty chưa có thành phẩm Chì và kẽm mà chỉ khai thác quặng chì và kẽm để xuất khẩu sang Trung Quốc. Chì dùng trong xây dựng, ắc quy chì, đạn, và là một phần của nhiều hợp kim. Chì có số nguyên tố cao nhất trong các nguyên tố bền.

- Chì là thành phần chính tạo nên ắc quy, sử dụng cho xe.
- Chì được sử dụng như chất nhuộm trắng trong sơn
- Chì sử dụng như thành phần màu trong tráng men
- Chì dùng làm các tấm ngăn để chống phóng xạ hạt nhân.

Kẽm là kim loại được sử dụng phổ biến hàng thứ tư sau sắt, nhôm, đồng tính theo lượng sản xuất hàng năm.

- Kẽm được sử dụng để mạ kim loại, chẳng hạn như thép để chống ăn rỉ.
- Kẽm được sử dụng trong các hợp kim như đồng thanh, niken trắng, các loại que hàn v.v..
- Đồng thanh có ứng dụng rộng rãi nhờ độ cứng và sức kháng rỉ cao.
- Kẽm được sử dụng trong dập khuôn, đặc biệt là trong công nghiệp ô tô.
- Kẽm dạng cuộn được sử dụng để làm vỏ pin.
- Clorua kẽm được sử dụng làm chất khử mùi và bảo quản gỗ.
- Sulfua kẽm được sử dụng làm chất lân quang, được sử dụng để phủ lên kim đồng hồ hay các đồ vật khác cần phát sáng trong bóng tối.
- Methyl kẽm ($Zn(CH_3)_2$) được sử dụng trong một số phản ứng tổng hợp chất hữu cơ.
- Stearat kẽm được sử dụng làm chất độn trong sản xuất chất dẻo (plastic) từ dầu mỏ.
- Các loại nước thơm sản xuất từ calamin, là hỗn hợp của(hydroxy-)cacbonat kẽm và silicat, được sử dụng để chống phỏng da.

6.2 Doanh thu, lợi nhuận từng loại sản phẩm dịch vụ

Biểu 5: Sản lượng khai thác qua các năm 2008 – 30/06/2009

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2008	30/06/2009
1	Quặng Antimon khai thác	Tấn	5.306	2.633,18
2	Sản phẩm Kim loại Antimon	Tấn	524	321,661
3	Quặng chì kẽm khai thác	Tấn	17.787	-
4	Tinh chì kẽm	Tấn	2.075	48,87

(Nguồn: Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang)

Năm 2008 sản lượng quặng antimon khai thác của Công ty đạt 5306 tấn. Sản phẩm kinh loại antimon đạt 524 tấn, đem lại doanh thu từ kim loại antimon năm 2008 là 51,15 tỷ đồng, 6

tháng đầu năm 2009, sản lượng bán thành phẩm thỏi Antimon của Công ty đạt 321,661 Tấn, doanh thu đạt 17,575 tỷ đồng.

Sản lượng quặng chì kẽm khai thác năm 2008 là 17787 tấn, trong khi sản lượng tinh chì kẽm là 2075 tấn. Doanh thu tinh chì, kẽm năm 2008 là 5,17 tỷ đồng, giảm 6,67% so với doanh thu năm 2007. 6 tháng đầu năm 2009, sản lượng tinh chì kẽm là 48,87 tấn, doanh thu đạt 1,19 tỷ đồng.

Biểu 6: Doanh thu từng loại sản phẩm dịch vụ

Đơn vị: đồng

Nhóm sản phẩm	Năm 2008		30/06/2009	
	Doanh thu	Tỷ lệ	Doanh thu	Tỷ lệ
Antimon	51.154.037.464	90,8%	17.575.318.894	93,64%
Chì, kẽm	5.167.994.398	9,17%	1.194.268.103	6,36%
Cơ Khí	3.428.571	0,03%	-	-
Tổng	**56.325.460.433**	**100%**	**18.769.586.997**	**100%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2008 và Báo cáo tài chính 30/06 2009 của HGM)

6.3 Nguyên vật liệu

6.3.1 Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính đầu vào của Công ty là quặng Antimon và quặng chì, kẽm. Ngoài ra trong quá trình sản xuất Công ty còn sử dụng các loại dầu, than, nước, điện, soda, hóa chất các loại... dùng cho hoạt động của các xí nghiệp khai thác.

6.3.2 Sự ổn định của nguồn cung ứng nguyên vật liệu

Theo các báo cáo về triển vọng khoáng sản antimon của Viện địa chất khoáng sản và Hội địa chất Việt Nam, điểm quặng antimon Mậu Duệ có 03 thân quặng được đánh số I, II, III. Từ tháng 5/1995 đến tháng 2/1996 Công ty Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang kết hợp với Liên đoàn địa chất I khảo sát và phát hiện thân quặng Mậu Duệ II có tổng tài nguyên, trữ lượng là 371,818 tấn quặng với hàm lượng trung bình từ 10% tới 12,03% tương đương với 36.000 tấn kim loại antimon *(Nguồn: Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang).* Ngày 27/12/1996, Bộ Công nghiệp đã cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 3910 QĐ/ĐCKS ngày 27/12/1996 cho phép công ty cơ khí và khoáng sản Hà Giang khai thác quặng antimon tại mỏ Mậu Duệ trong thời gian 30 năm kể từ ngày ký giấy phép, với công suất khai thác là 10.500 tấn/ năm và trữ lượng khoáng sản là 330.286 tấn quặng.

Ngoài ra, điểm mỏ chì - kẽm Tà Pan – Minh Sơn – Bắc Mê – Hà Giang mà Công ty được UBND Tỉnh Hà Giang cấp giấy phép khai thác tận thu tại Quyết định số 379/QĐ-UB ngày 7/2/2003. Năm 2008 Công ty đã được Ủy ban nhân tỉnh Hà Giang cấp lại Giấy phép khai thác theo quy định của Luật khoáng sản. Quyết định số 746/QĐ-UBND ngày 19/03/2008 trữ lượng khai thác: 492.809 tấn quặng, thời gian khai thác 10 năm, công suất khai thác là 50.000 tấn quặng nguyên khai/ năm, diện tích khai thác 12 ha.

Năng lượng điện được Công ty đăng ký sử dụng hệ thống điện lưới của Tỉnh. Ngoài ra Công ty đã chủ động mua máy phát điện để đảm bảo nguồn điện phục vụ cho sản xuất. Nhiên liệu dầu, than, soda, hóa chất các loại và các nguyên liệu phụ khác được Công ty lựa chọn từ các nhà cung cấp trên thị trường trên cơ sở chất lượng và giá cả.

Danh sách các nhà cung cấp nguyên liệu:

STT	Tên nhà cung cấp	Địa chỉ	Số hợp đồng	Tên nguyên liệu
1	Công ty cổ phần hóa chất và vật tư Khoa học kỹ thuật	70 Hàng Mã Hà Nội.	02/2009/CKKHHG	Soda Ah light 99%
2	Công ty TNHH Thương mại Hoa lợi	45 Phố Bùi Thị Xuân, phường Lào Cai, TP Lào Cai tỉnh Lao cai	12/2009/ TMHL-KSHG	Than cốc
3	Công ty TNHH LS460	395 9 Phường Trần Phú thị xã Hà Giang	01/2009/HĐMB	Than gầy
4	Chi nhánh Công ty TNHH Anh Vũ Hòa Bình	Xã Lạc Long, huyện Lạc Thủy tỉnh Hòa Bình	34/2009/HĐKT	Than mỡ

5	Công ty cổ phần Khoáng sản Điện Biên	101, tổ 10 Phường Nam Thanh TP Điện Biên	11/HĐ-CTKS	Than mỡ
6	Công ty TNHH Thương Mại Đức Minh	Xã Chi Đám, Đoan Hùng Phú Thọ	-	Than kíp lê
7	Doanh nghiệp tư nhân Yên Thành Sơn La	Tổ 5 Phường Tô Hiệu thị xã Sơn La tỉnh Sơn La	-	Than mỡ

6.3.3 Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất và chi phí bán hàng của Công ty là các khoản chi phí về nhiên liệu như nguyên vật liệu đầu vào (than, xăng, dầu, điện sản xuất) và các chi phí về vận chuyển, bốc dỡ, lưu kho bãi. Trong thời gian qua, giá than, xăng dầu trong nước chịu nhiều ảnh hưởng của giá dầu thô trên thế giới. Hơn thế nữa, tình hình lạm phát của Việt Nam 3 năm gần đây là hai con số tương ứng với khoảng trung bình là 14%. Do vậy, các biến động về giá cả của hàng hóa, dịch vụ đầu vào đều ảnh hưởng tới lợi nhuận của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã sử dụng hàng loạt các biện pháp để tránh bị ảnh hưởng bởi sự tăng giá nguyên vật liệu như:

- Thành lập bộ phận nghiên cứu đánh giá về sự biến động giá nguyên liệu như than, xăng và dầu trên thị trường thế giới để làm cơ sở cho việc dự trữ nguyên vật liệu.
- Tăng cường tìm kiếm và bổ sung thêm các nhà cung cấp mới từ trong nước và nước ngoài cũng như chủ động về nguồn điện cho sản xuất.
- Giảm hao hụt nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất...
- Dự trữ nguyên, vật liệu cho sản xuất.

6.4 Chi phí sản xuất

Biểu 7: Yếu tố chi phí

Đơn vị: đồng

YẾU TỐ CHI PHÍ	31/ 12/ 2008		30/06/2009	
	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT
Giá vốn hàng bán	32.027.367.711	57%	13.948.225.174	74%
Trong đó:				
Antimon	28.362.462.717	55,45%	11.781.613.062	62,77%
Chì, kẽm	3.589.860.116	6,37%	2.166.612.112	11,54%
Giá vốn cơ khí	75.044.878	0,13%	-	-
Chi phí bán hàng	526.434.112	1%	283.120.206	2%
Chi phí QLDN	4.568.958.754	8%	1.777.777.462	9%
Chi phí tài chính	119.002.586	0,32%	3.898.430	0,02%
Chí phí khác	162.900.698	0,44%	-	-
Tổng cộng	**37.404.663.861**	**66%**	**16.013.021.272**	**85%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính 30/06/2009 của HGM)

Tổng chi phí năm 2008 là 37,40 tỷ đồng. Cơ cấu các yếu tố chi phí của Công ty so với doanh thu có sự tăng mạnh qua từng năm và tăng đến 85% trong 6 tháng đầu năm 2009. Trong đó, giá vốn hàng bán trên doanh thu của sản phẩm Antimon trong năm 2008 và 6 tháng đầu năm 2009 lần lượt là 55,45% và 62,7 %. Giá vốn hàng bán trên doanh thu của sản phẩm tinh quặng chì, kẽm trong năm 2008 và 6 tháng đầu năm 2009 lần lượt là 6,37% và 7%.

Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng bằng 8% năm 2008 và 9% trong 6 tháng đầu năm 2009.

6.5 Trình độ công nghệ của Công ty

6.5.1 Quy trình sản xuất

Quặng Antimon được hình thành dạng vỉa, mạch, dạng ổ và thân mạch, trong đới đất đá đứt gẫy chà nát. Vì vậy đối với các thân quặng, mạch quặng lớn dễ khai thác Công ty sử dụng phương pháp khai thác lộ thiên, dùng tổ hợp máy cuốc xúc bóc đất đá theo tầng, vỉ đẻ giảm tải

đảm bảo an toàn trong khai thác. Khi đến thân quặng, ổ quặng dùng khoan bắn nổ mìn, tuyển chọn tại gương sau đó dùng tổ hợp bốc xúc về bãi tuyển

Quặng Antimon thường lẫn trong đất đá. Do vậy trước khi đưa vào tuyển, quặng sẽ được đập ra thành các kích cỡ theo quy định. Công ty đang đầu tư phát triển phương pháp tuyển trọng lực. Tuyển trọng lực sẽ tiết kiệm và tối đa hoá cho Công ty nguyên liệu quặng bỏ sót do quá trình tuyển khô. Quy trình tuyển thô và sản xuất ra Antimon được mô tả như sau:

- Phương pháp khai thác quặng: Phương pháp lộ thiên
- Đất đá sau khi được máy xúc đào xúc lên xe ôtô vận chuyển về nhà máy. Tại bãi cấp liệu, đất đá được đổ vào sân cấp liệu. Tại đây dùng búa và các công dụng đập để làm nhỏ quặng để đưa lên tuyển để phân loại giữa quặng và đất đá.
- Quy trình công nghệ sản xuất kim loại Antimon:

⇒ Thiêu quặng Antimon trong lò giếng thẳng cho ra bán thành phẩm là bột Ôxít Antimon

⇒ Luyện bột ô xít Antimon trong lò phản xạ

- Sau đó bột oxit đưa vào lò phản xạ để tinh luyện thành kim loại Antimon. Nhiên liệu xử dụng để cấp nhiệt cho lò phản xạ là than mỡ được mua trong nước hoặc nhập khẩu từ Trung Quốc. Dưới tác dụng của nhiệt độ cao, các bon ở than và của khí lò lấy ô xi trong bột ô xít tạo thành khí ô xít các bon CO và khí các bon níc CO_2 bay theo khí lò, để lại phần Antimon kết tinh thành kim loại. Quá trình này gọi là quá trình hoàn nguyên.
- Trước khi ra lò, kim loại phải được lấy mẫu để phân tích hoá học tại phòng hoá nghiệm của xưởng khi đạt tiêu chuẩn chất lượng theo tiêu chuẩn đãng đang ký với cục tiêu chuẩn chất lượng. Cho ra lò, kim loại lỏng được đúc vào khuôn để tạo thành viên kim loại có hình dạng tứ diện chop cụt, có khối lượng khoảng 22 ~ 25 kg/viên. Ký hiệu sản phẩm đăng ký là A- H (Kim loại Antimon Hà Giang).

SƠ ĐỒ DÂY CHUYỀN CHẾ BIẾN SẢN PHẨM ANTIMON CỦA CÔNG TY

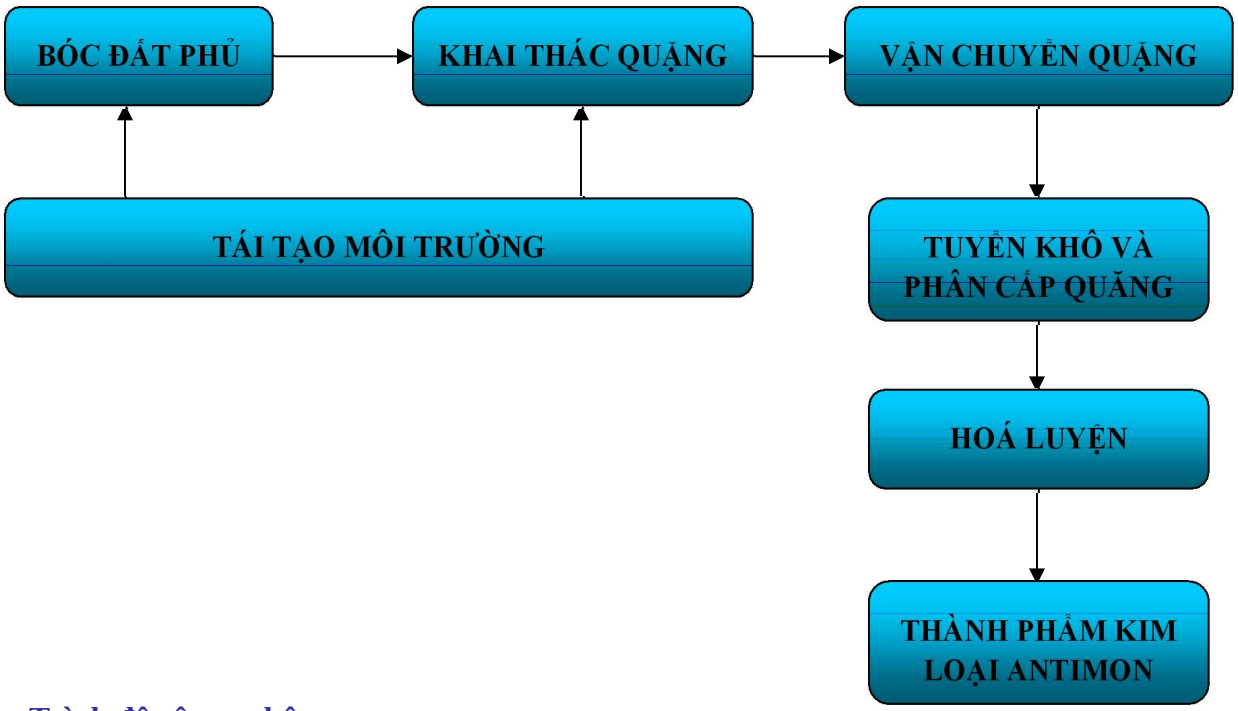

6.5.2 Trình độ công nghệ

Quá trình sản xuất của Công ty chủ yếu là khai thác, sàng tuyển chọn và thiêu luyện do vậy yêu cầu về công nghệ khai thác của Công ty không quá phức tạp. Công ty đã cơ khí hoá được 60% các công đoạn sản xuất. Nhưng về thiêu, luyện thì đòi hỏi phải có trình độ công nghệ, kỹ thuật cao. Trong năm 2008, Công ty đã nghiên cứu thành công trong việc sử dụng phụ liệu than An-tra-xit thay thế một phần than cốc nhập khẩu với giá thành cao làm giảm chi phí và tiết kiệm nhiên liệu đầu vào cho Công ty khoảng 15%. Trong quá trình khai thác và chế biến, Công ty luôn đảm bảo việc bảo vệ môi trường, trong quá trình xây dựng hệ thống nhà xưởng, Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng hệ thống nước làm mát tuần hoàn. Sau khi khai thác xong, khu vực khai trường được trồng cây xanh trở lại (quá trình hoàn thổ cho khai trường). Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cho công nhân như: quần áo, găng tay, giầy dép, khẩu trang và nón bảo hộ.

6.6 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Máy móc thiết bị khai thác mỏ của Công ty

Hệ thống tuyển khô quặng của Công ty

Phòng Kỹ thuật – Kế hoạch của Công ty trong những năm qua đã nghiên cứu và phát triển để cho ra những sản phẩm mới theo tiêu chuẩn xuất khẩu, luôn đáp ứng yêu cầu khách hàng.
Kế hoạch lâu dài của Công ty là nghiên cứu đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột ô xít antimon cao cấp từ Kim loại A-H để phục vụ nhu cầu thị trường Quốc tế.

6.7 Tình hình quản lý và kiểm tra chất lượng sản phẩm

6.7.1 Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng

Công ty luôn chủ động quan tâm đến chất lượng sản phẩm và thiết lập hệ thống quản lý chất lượng cho phù hợp với ngành khai thác khoáng sản. Trong đó các tiêu chí và mục đích mà Công ty luôn hướng tới là:

- Đảm bảo các chất lượng các sản phẩm đạt yêu cầu của khách hàng, phù hợp các qui định của Nhà nước và các qui định của Công ty;
- Khai thác, chế biến tiết kiệm và hợp lý tài nguyên khoáng sản có trong vùng mỏ;
- Bảo vệ và phát triển bền vững môi trường;

- Đảm bảo và phát triển lợi ích của khách hàng, của Công ty và toàn thể cán bộ công nhân viên của nhà máy.

6.7.2 Bộ phận kiểm tra chất lượng của Công ty:

Bộ phận kiểm tra chất lượng sản phẩm gồm đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ tay nghề cao được đào tạo tại nước ngoài đảm bảo kiểm tra chất lượng sản phẩm một cách nhanh chóng chính xác, kim loại antimon theo tiêu chuẩn GB1599-79 - Tiêu chuẩn Quốc Gia của Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Một số hình ảnh Phòng Hoá nghiệm tại Công ty CP cơ khí và khoáng sản Hà Giang

6.8 Hoạt động Marketing và hệ thống phân phối sản phẩm

Công ty Cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang hiện chưa có bộ phận Marketing chuyên biệt nhưng Ban lãnh đạo Công ty đã phối hợp với Công ty cổ phần tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB và đối tác có uy tín khác để hỗ trợ Công ty trong công tác khai thác thị trường nước ngoài. Các khách hàng chính của Công ty là các đối tác nước ngoài, chủ yếu là các Công ty từ Nhật Bản, Trung Quốc và Châu Âu, do vậy Công ty luôn ý thức xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong mắt khách hàng, tạo uy tín về chất lượng sản phẩm và thời gian giao hàng.

Hiên nay, 100% sản phẩm của Công ty được tiêu thụ bởi 02 công ty của Nhật Bản là To-ko-ko-sen, So-jitz, A&M Minerals và đối tác Châu Âu. Hai doanh nghiệp trên nằm trong số những doanh nghiệp lớn hàng đầu của Nhật Bản về công nghiệp sản xuất và phân phối sản phẩm Antimon trong nước bạn. Các sản phẩm quặng chì và kẽm hiện được xuất khẩu sang cho đối tác ở Trung Quốc - Công ty kinh mậu Chúng Thao Vân Nam Trung Quốc.

6.9 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo và nhãn hiệu Công ty

Logo của Công ty được cấp vào ngày 13/07/2007 có hiệu lực 10 năm theo quyết định số 8806/QĐ-SHTT do Cục sở hữu trí tuệ - Bộ khoa học và công nghệ cấp.

Logo này được sử dụng làm biểu tượng cho tất cả các sản phẩm của Công ty.

6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã ký kết

Biểu 8: Các hợp đồng lớn đang được ký kết

Số hợp đồng	Đối tác	Năm	Sản phẩm	Khối lượng
01 – 2008/HĐMB -KSHG	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2008	Antimon	Tối thiểu 60 tấn/tháng (±5%) trong đó: Giao cho tập đoàn Tokokosen: tối thiểu 40 tấn/tháng. Giao cho Tập đoàn Sojitz: 20 tấn/tháng.
06/VQB-KSHG ngày 11/06/2008	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2008	Antimon	60 tấn/tháng (+/-5%) trong đó: Giao hàng tại kho Bên B
07/VQB-KSHG ngày 6/08/2009	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2008	Antimon	60 tấn/tháng (+/-5%) trong đó: Giao hàng tại kho Bên B
25/2008-HDMB	Công ty HH kinh mậu Chúng Thao Vân Nam Trung Quốc	2008	Tinh quặng Sulfur Chì	600 tấn
26/2008-HDMB	Công ty HH kinh mậu Chúng Thao Vân Nam Trung Quốc	2008	Tinh quặng Sulfur Chì	318,738 tấn
01/2009-HDMB	Công ty HH kinh mậu Chúng Thao Vân Nam Trung Quốc.	2009	Tinh kẽm	240 tấn

02/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	40 tấn
02/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	
03/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	40 tấn
04/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	40 tấn
05/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	40 tấn
06/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	40 tấn
07/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	40 tấn
08/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	40 tấn
09/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	20 tấn
10/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	60 tấn cho các tháng 8,9,10/2009
01/2009-HDMB	Công ty CP tập đoàn khoáng sản và thương mại VQB	2009	Antimon	300 tấn cho từ 08-12/2009

(Nguồn: Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang)

Hàng năm, Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang ký kết Hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa đối với mặt hàng Antimon kim loại với Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản và Thương mại VQB, trong đó quy định về chất lượng hàng hóa, số lượng tối thiểu cung cấp mỗi tháng, nhà tiêu thụ ở nước ngoài, giá cả phụ thuộc vào giá bình quân Antimon 99,95%

min tại các thị trường Châu Âu của tháng trước tháng Bên mua giao hàng cho khách hàng nư ớc ngoài.

Khi chính thức giao dịch, hai bên sẽ ký kết các phụ lục Hợp đồng mua bán hàng hóa theo các điều khoản cụ thể tùy vào tình hình thực tế.

7 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Biểu 9: Tóm tắt một số chỉ tiêu tài chính về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: đồng

CHỈ TIÊU	31/ 12/ 2008	30/06/2009
Tổng giá trị tài sản	113.025.803.402	85.340.782.034
Vốn chủ sở hữu	72.594.902.941	76.884.098.143
Doanh thu thuần	56.325.460.433	18.769.700.904
Lợi nhuận gộp	24.298.092.722	4.582.622.117
Lợi nhuận từ HĐKD	24.605.401.085	4.683.802.279
Lợi nhuận khác	918.898.914	63.249.428
Lợi nhuận trước thuế	25.524.299.999	4.747.051.707
Lợi nhuận sau thuế	25.524.299.999	4.747.051.707
Cổ tức	40%	-

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính 30/06/2009 của HGM)

Doanh thu thuần của Công ty năm 2008 đạt 56,325 tỷ đồng và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 26,6 tỷ đồng. Doanh thu 06 tháng đầu năm 2009 bằng 18,77 tỷ đồng v à lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng 4,75 tỷ đồng. Việc sụt giảm doanh thu v à lợi nhuận thời gian qua là do biến động mạnh của giá Antimon và chì kẽm thế giới. Ngoài ra, chi phí cho nguyên liệu đầu vào tăng mạnh trong năm 2008 cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của HGM.

Theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính và công văn số 3654/TCT-CS ngày 30/09/2008 của Tổng cục Thuế, Công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm thứ ba công ty hoạt động liên tục có lãi từ khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31/07/2009 của Cục Thuế Tỉnh Hà Giang, năm 2007 sẽ là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế, năm 2008 trở đi sẽ bắt đầu áp dụng ưu đãi

giảm 50% với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%. Hiện nay, Công ty đang làm thủ tục xin miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008. Công ty cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước khi sau khi có quyết định chính thức của Cục thuế tỉnh Hà Giang.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm qua

Những yếu tố thuận lợi

- Giá Antimon bình quân trong năm 2008 ở mức cao là 5.830 USD/tấn.
- Nguồn cung cấp than antraxits, than mỡ tương đối ổn định và chủ động.
- Người lao động làm chủ công nghệ, đảm bảo sản xuất ổn định, không phát sinh nhiều sự cố.
- Trong năm 2008, Công ty được hưởng thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 0%

Những yếu tố khó khăn

- Công tác quản lý kỹ thuật, quản lý nhân sự, kiểm tra, giám sát định mức kỹ thuật chưa được thực hiện tốt. Công tác bảo duy tu bảo dưỡng máy móc thiết bị còn bị động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất.
- Cơ sở khách hàng còn chưa được mở rộng, nhất là thị trường tiêu thụ sản phẩm chì, kẽm.
- Năm 2008 thể hiện bức tranh u ám của nền kinh tế thế giới và là một năm biến động phức tạp của nền kinh tế Việt nam. Đầu năm, nền kinh tế chứng kiến tình trạng lạm phát tăng cao ngoài dự kiến, căng thẳng ngoại tệ và tăng giá chóng mặt của các nguyên, nhiên liệu cơ bản trong khi cuối năm lại diễn ra tình trạng suy giảm tăng trưởng. Khủng hoảng tài chính toàn cầu dẫn đến suy giảm sức cầu trên quy mô toàn cầu, ảnh hưởng đến giá cả của tất cả các loại tài nguyên thiên nhiên, bao gồm cả các loại kim loại mầu.
- Giá Antimon biến động mạnh, mức giá bán bình quân của năm 2008 mặc dù ở mức cao là 5.830 USD/tấn nhưng vẫn thấp hơn mức giá bình quân năm 2007 và giảm mạnh trong 06 tháng đầu năm 2009. Giá Antimon thế giới duy trì ở mức cao trong 10 tháng đầu năm 2008 và đạt đỉnh cao nhất trong 5 năm gần đây tại 6.700 USD/tấn cho Antimon thỏi 99, 95% min do ảnh hưởng của bão tuyết ở miền Nam Trung Quốc vào cuối tháng 1, việc tổ chức Olympic Bắc Kinh vào tháng 8 và tình trạng tăng giá mạnh nguyên liệu cơ bản cho sản xuất hồi đầu năm 2008. Sau đó, giá kim loại này giảm mạnh xuống mức 3900 USD/ tấn vào tháng 12 năm 2008 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng Tài chính – Kinh tế toàn cầu bắt đầu từ tháng 9 tại Mỹ và lan ra toàn thế giới.
- Giá Antimon trong 7 tháng đầu năm 2009 mặc dù có sự phục hồi nhưng vẫn ở mức thấp trước khi tăng trở lại ổn định ở mức gần 6000 USD/tấn từ cuối tháng 7 năm 2009. Dưới đây là đồ thị giá FOB Antimon 99,95% tại thị trường Trung Quốc. Giá tiêu thụ thấp cùng

với việc Công ty duy trì sản lượng khai thác ở mức thấp hơn so với công xuất thiết kế khiến cho kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2009 không cao.

- Giá chì và kẽm giao dịch trên thị trường quốc tế cũng đã giảm trong suốt cả năm 2008 và chỉ còn khoảng 1/3 so với giá thời điểm đầu năm 2009 và tăng 50% từ 1/1/2009 tới 30/09/2009.

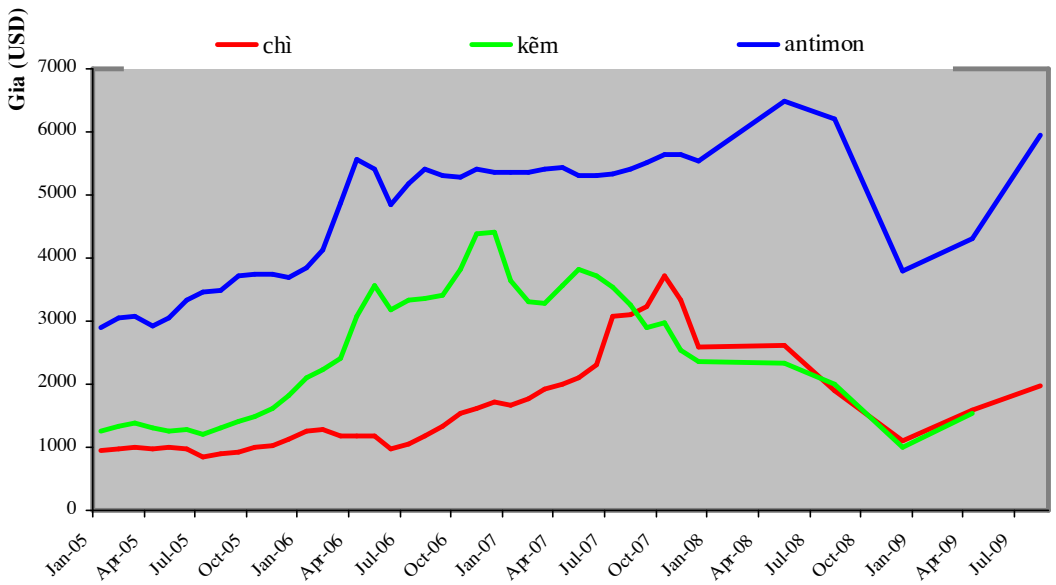

Nguồn: Báo cáo thường niên thị trường antimon Trung Quốc năm 2008
www.asianmetal.com và www.lme.com.uk

- Giá nguyên liệu chính cho sản xuất của công ty tăng cao trong năm 2008. Giá dầu tăng liên tục, đạt mức kỷ lục ở mức 147 USD/ thùng vào tháng 7 năm 2008. (Giá dầu năm 2008: đỉnh cao và vực sâu www.vneconomy.vn thứ tư ngày 26/8/2008). Giá than cốc Trung Quốc tăng 8%, từ 4.650.000 đồng/ tấn lên 5.000.000 đồng/ tấn, than gầy tăng 60%, từ 2.500.000 đồng/ tấn lên 4.000.000 đồng/ tấn, than mỡ tăng 15%, từ 1.500.000 đồng/ tấn lên 1.730.000 đồng/ tấn trong khi chất lượng than cốc, than mỡ không ổn định. Giá các vật tư khác đều tăng: Giá sô đa tăng 11,3%, hóa chất các loại tăng bình quân 20%. Giá nhân công thuê ngoài và đơn giá tiền lương tăng 15% so với năm 2007.
- Điện sản xuất không ổn định, hàng tháng Công ty bị luân phiên cắt điện giảm tải từ 4 đến 6 ngày.
- Thời tiết mưa nhiều, thời gian mưa trong năm chiếm 50% cũng ảnh hưởng không tốt đến việc khai tuyển mỏ và thực hiện các dự án của Công ty.
- Mức thuế xuất khẩu kim loại chì, kẽm trong năm 2008 được thay đổi từ 15% thành 20% theo Quyết định số 35/2008/QĐ-BTC ngày 6/6/2008 của Bộ Tài chính.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong c ùng ngành

8.1 Vị thế công ty trong ngành

Công ty cổ phần Khoáng sản Hà Giang hiện nay là đơn vị duy nhất tại Việt Nam có thể khai thác và sản xuất sản phẩm Antimon ở quy mô Công nghiệp. Chất lượng của sản phẩm đạt tới 99,95% đảm bảo tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản và thị trường Châu Âu.

Sản lượng sản xuất Antimon của thế giới

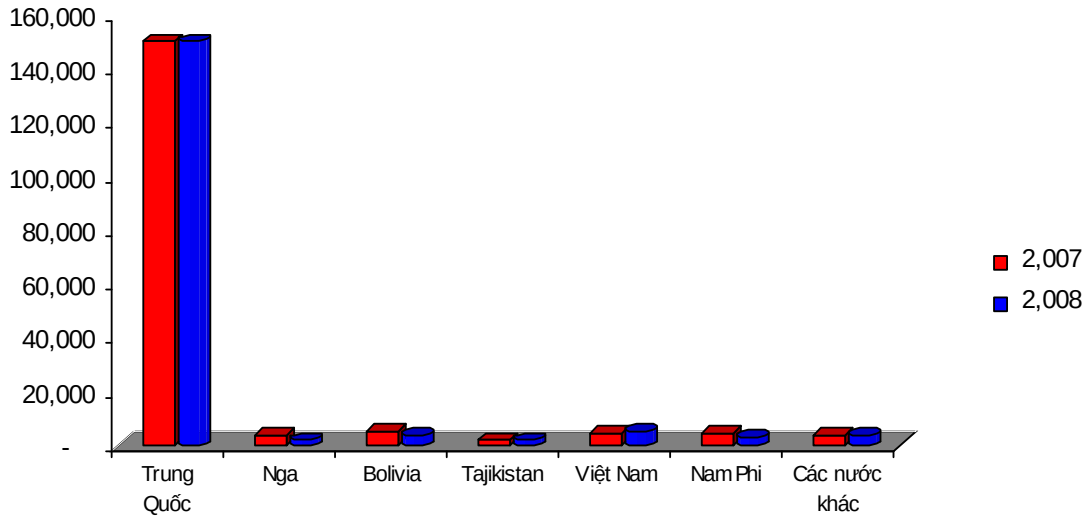

(Nguồn : Cục đo lường trữ lượng Mỹ www.minerals.usgs.gov)

Theo đồ thị trên cho thấy Trung Quốc là nước sản xuất và tiêu thụ lớn nhất, chi phối nguồn cung antimon của Thế giới và Việt Nam là một trong 10 nước sản xuất Antimon lớn trên thế giới. Theo đánh giá của chuyên gia, chất lượng sản phẩm Antimon của Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang có hàm lượng trên 99,95%, thuộc loại sản phẩm chất lượng cao. Do đó, giá thành cho sản phẩm của Công ty thường cao hơn giá trung bình khoảng 40$/tấn.

Thị trường tiêu thụ Antimon chính:

Thị trường Antimon thỏi

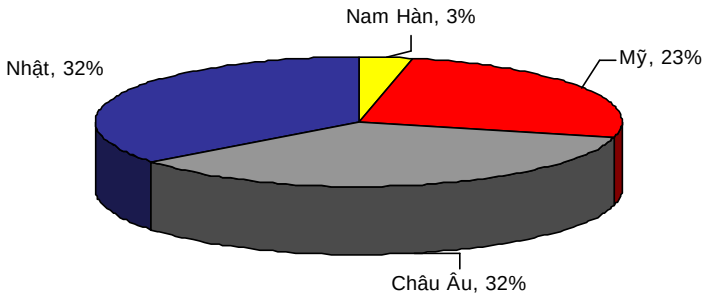

Nguồn cung antimon được tập trung tại một số ít nước trên thế giới, trong đó Trung Quốc có trữ lượng khá rồi dào. Trữ lượng antimon dự tính của Trung Quốc khoảng là 2.780.000 tấn, chiếm 40 % trữ lượng thế giới, trữ lượng quặng antimon được thăm dò chiếm 70% của Thế giới.
(*Nguồn: Báo cáo thường niên thị trường antimon Trung Quôc năm 2008, ww.asianmetal.com*).

Thị trường tiêu thụ quặng Antimon

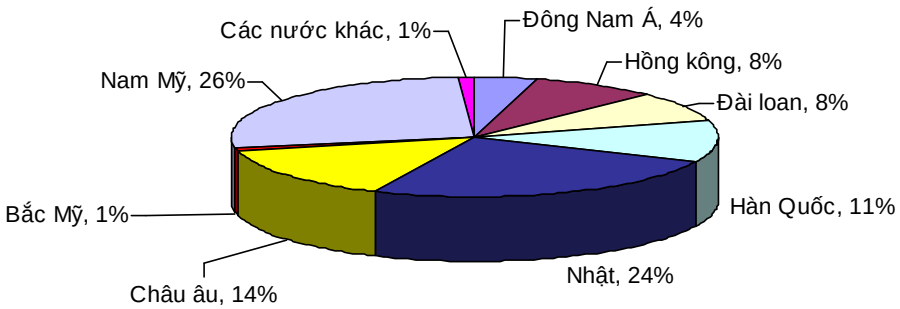

Nguồn: Báo cáo thường niên thị trường antimon Trung Quôc năm 2008
www.metalasian.com

Theo báo cáo mới nhất của Deutsche bank các nền kinh tế mới nổi như Trung Quốc, Nga, Ấn Độ, Brazil và Đông Nam Á tiêu thụ nhiều chì kẽm nhất. Trong khi đó Trung Quốc, Úc và Mỹ là nước sản xuất chì và kẽm lớn nhất thế giới. Tại Việt Nam, ngành công nghiệp sản xuất chì và kẽm thành phẩm còn bị hạn chế do thiếu công nghệ và vốn. Do đó, các Công ty khoáng sản khai thác chì kẽm của Việt Nam chủ yếu xuất quặng và tinh chế quặng chì kẽm với quy mô nhỏ.

Sản lượng sản xuất chì của Thế giới

(Nguồn : Cục đo lường trữ lượng Mỹ www.minerals.usgs.gov)

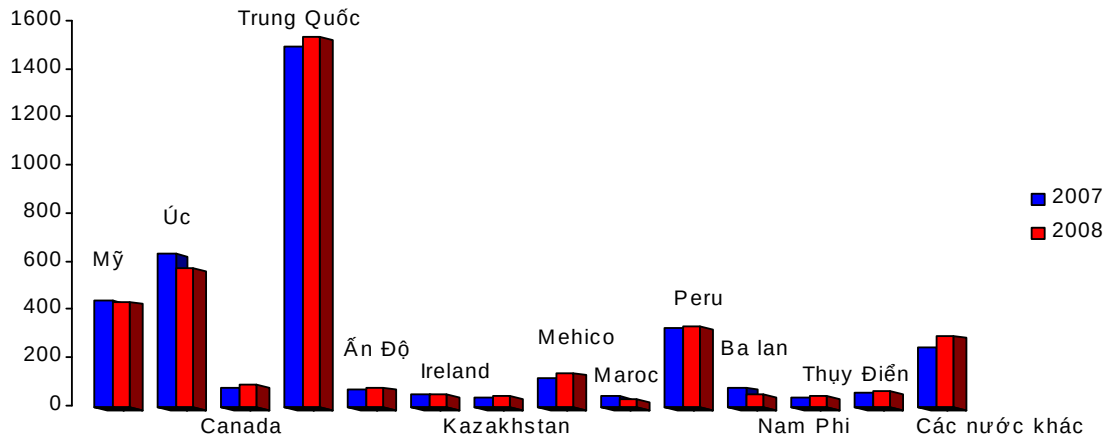

Sản lượng sản xuất kẽm của Thế giới

(Nguồn : Cục đo lường trữ lượng Mỹ www.minerals.usgs.gov)

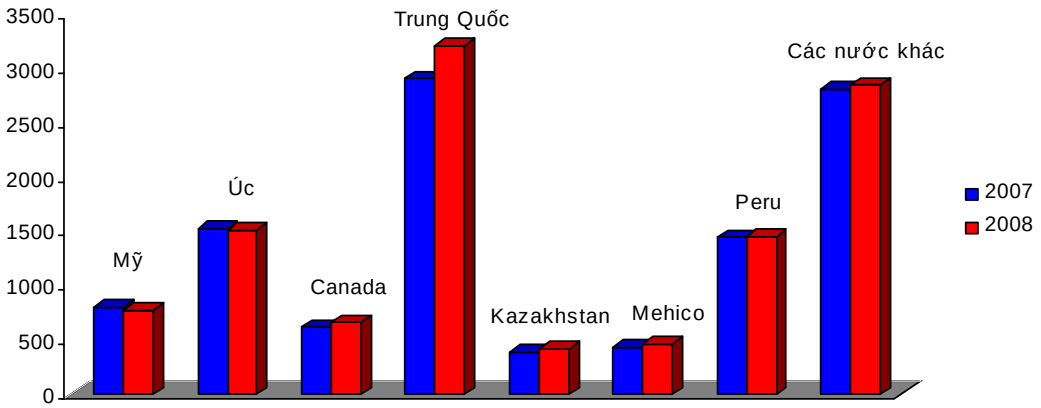

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

8.2.1. Antimon

Antimon là một loại kinh loại hiếm trên trái đất, chiếm 0,0001% của vỏ trái đất (*Nguồn: Báo cáo thường niên thị trường antimon Trung Quôc năm 2008 www.metalasian.com)* . Các ứng dụng của antimon được sử dụng trong những ngành công nghiệp hiện đại, đa phần được tiêu dùng tại các nước phát triển. Ngành công nghiệp Thế giới đã phục hồi, nền kinh tế Trung Quốc cũng đang phát triển nhanh với tốc độ tăng trưởng đều đặn hai con số trong những năm gần gần đây và tăng trưởng 7,9% trong 6 tháng đầu năm 2009 là những yếu tố đảm bảo cho việc giá Antimon sẽ ổn định ở mức cao trên thị trường Thế giới.

Quy hoạch phân vùng thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng antimon giai đoạn 2007 – 2015, có xét đến năm 2025, được ban hành tại Quyết định số 05/2008/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 04 tháng 03 năm 2008 của Bộ Công thương có nêu danh mục các dự án khai thác và chế biến quặng antimon như sau:

- Giai đoạn 2007-2015: Thực hiện thăm dò điểm quặng Antimon Bó Mới để bổ sung nguồn nguyện liệu cho nhà máy ở Hà Giang. Thăm dò bổ sung mỏ Làng Vài và nghiên cứu đầu tư nhà máy luyện Antimon thỏi Chiêm Hoá, Tỉnh Tuyên Quang.
- Giai đoạn 2016-2025: Thăm dò quặng Antimon Dương Huy (Quảng Ninh), dự kiến đầu tư thăm dò mỏ quặng Antimon Lô-Gâm – Hà Giang (Yên Minh, Mèo Vạc), Tỉnh Cao Bằng và Lào Cai.

8.2.2 Chì và kẽm

Đối với quặng chì và kẽm nhu cầu hiện tại trong và ngoài nước có dấu hiệu bình ổn không tăng nóng như các năm trước đây do nhu cầu về xây dựng và các ngành công nghiệp khác có sử dụng hợp chất chì và kẽm có dấu hiệu trững lại, sự phát triển của các ngành công nghiệp này cũng gắn liền cùng với tốc độ phát triển của nền kinh tế. Đặc biệt trong thời gian tới khi Việt Nam đang dần từng bước tiếp thu các công nghệ tiên tiến của nước ngoài thì nhu cầu về chì và kẽm phục vụ cho các ngành công nghệ xây dựng và sản xuất ôtô và các ngành công nghiệp nặng khác có liên quan tới chì và kẽm trong nước sẽ ngày càng tăng. Ngoài ra, tình hình kinh tế Thế giới theo các chuyên gia dự kiến sẽ trở lại mức ổn định trong vòng 3 năm tới. Theo báo cáo mới nhất của Ngân Hàng Deutsche Bank trong năm 2009, dự kiến nhu cầu về chì và kẽm sẽ tăng trở lại vào cuối năm 2011 do bởi các nền kinh tế lớn mới nổi sẽ phục hồi mạnh như Trung Quốc, Ấn Độ, Trung Đông, Nga và Brazil vẫn có nhu cầu về chì và kẽm.

Hiện nay, Trung Quốc cũng đang giảm dần sản lượng xuất khẩu, nên giá thành sản phẩm trên thế giới tăng cao. Còn về quặng chì và kẽm vẫn được đối tác bên Trung Quốc đánh giá cao và tiếp tục thu mua. Trong hai năm gần đây, Công ty chú trọng vào khâu đầu tư và nâng cấp chế

biến nhằm nâng cao hiệu quả khai thác và sản xuất nên sản lượng khai thác đã giảm và giữ ở mức ổn định.

Định hướng phát triển của Công ty

Để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, Công ty đưa ra những định hướng rõ ràng trong sản xuất kinh doanh, đó là: Tuân thủ pháp luật, Đầu tư phù hợp, Đảm bảo chất lượng và Phát triển nguồn nhân lực.

Tuân thủ Pháp luật

Do đặc điểm hoạt động sản xuất của Công ty không chịu ảnh hưởng nhiều từ chính sách về khai thác và xuất khẩu tài nguyên của Nhà nước. Công ty xác định luôn luôn tuân thủ theo các quy định của Pháp luật, bảo vệ môi trường, tích cực đóng góp vào sự phát triển chung của địa phương, Tỉnh Hà Giang và Đất nước.

Đầu tư có định hướng

Công ty có định hướng đầu tư phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, thể hiện qua việc tiếp tục thăm dò khai thác và xây dựng các dự án nâng cao khai thác mỏ Antimon như ở mỏ Mậu Duệ I và III, Bó Mới. Về chủ trương khai thác, Công ty sẽ tiếp tục đầu tư thăm dò chi tiết thêm các mỏ quặng trong địa bàn tỉnh Hà Giang để xác định trữ lượng các mỏ có thể khai thác, từ đó xây dựng kế hoạch khai thác. Trong chiến lược phát triển chiều sâu, xây dựng các dự án nâng cao chất lượng và sản lượng của Công ty. Công ty có định hướng xây dựng thêm dây chuyền sản xuất và tuyển trọng lực để tăng sản lượng cũng như chất lượng trong 02 năm tới. Dự án này sẽ giúp cho Công ty sử dụng nguồn quặng một cách hiệu quả hơn, tạo nên giá trị gia tăng cho các sản phẩm của Công ty.

Chính sách chất lượng

Công ty tiếp tục áp dụng mức tiêu chuẩn cao nhất trong hệ thống khai thác của mình, tiêu chuẩn GB1599-79 - Tiêu chuẩn Quốc Gia của Nước Công hòa Nhân dân Trung Hoa và không ngừng tìm biện pháp để nâng cao hiệu quả khai thác quặng, giảm lãng phí.

Hiện nay công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lương theo ISO 9001-2000.

Phát triển nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng trong định hướng phát triển của Công ty. Công ty luôn quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực. Công ty xác định đây là một trong những yếu tố mấu chốt quyết định sự phát triển của HGM trong những năm tới. Công ty luôn có những chính sách phát triển đội ngũ CBCNV của mình thông qua

- Cải tiến chính sách lương thưởng theo hướng tạo động lực làm việc và đóng góp tích cực và gắn bó hơn đối với các CBCNV của Công ty.
- Phân bố các chức danh hợp lý để cơ cấu tổ chức quản lý hoạt động linh hoạt và hiệu quả
- Xây dựng chính sách nhằm thu hút thêm người có năng lực và kinh nghiệm vào làm việc trong Công ty. trẻ hoá đội ngũ CBCNV.

Công ty cũng tiếp tục thực hiện các công tác đào tạo cho các CBCNV, hỗ trợ điều kiện học tập, tạo điều kiện để các CBCNV tham gia các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các câu lạc bộ thể thao, văn hóa.…Chính sách đối với người lao động

9. Chính sách đối với người lao động

Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động tại thời điểm 30/06/2009 là 218 người, trong đó cụ thể bao gồm:

Phân theo trình độ người lao động:

- ***Theo giới tính***

  - Nữ: 29 người chiếm 13,3% tổng số lao động
  - Nam: 189 người chiếm 86,7% tổng số lao động

- ***Theo trình độ nghiệp vụ***

  - Cử nhân: 13 người chiếm 5,96% tổng lao động
  - Cao đẳng: 2 người chiếm 0,92% tổng lao động
  - Trung cấp: 20 người chiếm 9,17% tổng lao động
  - Công nhân cơ khí, khai thác, luyện kim bậc 2 đến 5: 112 người chiếm 51,38% tổng lao động
  - Lao động Phổ thông: 71 người chiếm 32,57% tổng lao động

- ***Theo thời hạn hợp đồng lao động:***

  - Vô thời hạn: 92 người chiếm 42,2% tổng lao động
  - Từ 03 tháng đến 36 tháng: 99 người chiếm 45,51% tổng lao động
  - Dưới 03 tháng hoặc theo mùa vụ: 27 người chiếm 12,39% tổng lao động

- ***Theo độ tuổi***

  - Dưới [30]: 146 người chiếm 66.97% tổng lao động
  - Từ [30] đến [40]: 52 người chiếm 23,85% tổng lao động
  - Từ [41] đến [45]: 10 người chiếm 4,59% tổng lao động
  - Từ [46] đến [50]: 07 người chiếm 3,21% tổng lao động

- Từ [51] đến [55]: 03 người chiếm 1,38% tổng lao động

Chế độ làm việc

Thời gian làm việc: Công ty đang thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/ tuần, các nhân viên văn phòng làm việc theo giờ hành chính, và tại các xưởng của Công ty được tổ chức làm việc theo chế độ 3 ca/ ngày, khi có yêu cầu về tiến độ công việc. thì người lao động có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và đãi ngộ thoả đáng cho người lao động.

Nghỉ phép và lễ Tết: Thực hiện theo luật lao động. nhân viên công ty thực hiện với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian làm việc không đủ 12 tháng được nghỉ mỗi tháng 1 ngày tương ứng và 09 ngày theo quy định của Bộ luật lao động và thoả ước lao động tập thể.

Nghỉ ốm và thai sản: các CBCNV nghỉ ốm và thai sản đều được hưởng đầy đủ các quyền lợi theo chế độ quy định do bảo hiểm chi trả.

Các chế độ phúc lợi xã hội: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ đảm bảo xã hội cho người lao động theo Luật lao động.

- Nộp BHXH cho 100% CBCNV
- Nộp BHYT cho 100% CBCNV
- Trang bị phương tiện lao động cho 100% CBCNV
- Bồi dưỡng độc hại theo chế độ hiện hành
- Lao động trực tiếp sản xuất được cấp trang phục bảo hộ lao động
- Tiền ăn giữa ca

Ngoài ra, công tác an toàn lao động được lãnh đạo Công ty quan tâm hàng đầu, quán triệt cho CBCNV nắm vững an toàn kỹ thuật và hiểu rõ tầm quan trọng của công tác an toàn lao động. Hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên đều được tạo điều kiện thuận lợi.

Chính sách tuyển dụng và đào tạo

Hàng năm Công ty căn cứ vào kế hoạch và nhu cầu sản xuất để tuyển dụng lao động với phương châm là thu hút người lao động có kinh nghiệm, có năng lực, đáp ứng được yêu cầu của công việc. Bên cạnh đó Công ty thường xuyên quan tâm, bố trí, sắp xếp cán bộ phù hợp với năng lực, trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ sản xuất.

Công ty áp dụng công tác đào tạo tại chỗ bằng cách người có chuyên môn tốt, kinh nghiệm nhiều kèm cặp hướng dẫn cho những người vào làm việc sau, đặc biệt Công ty thường xuyên bố trí cho cán bộ cốt cán, nhân viên, lao động kỹ thuật tham gia các lớp tập huấn nâng cao

nghiệp vụ nhằm đáp ứng công việc hiện tại cũng như tương lai lâu dài và hiện tại Công ty có chính sách đãi ngộ 100% học phí cho một số cán bộ có triển vọng tham gia học Đại học tại chức.

Chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi

Công ty thực hiện chi trả lương cho nhân viên dựa vào cấp công việc, năng lực, chức vụ, bằng cấp, thang bảng lương và điều kiện kinh doanh của Công ty và hàng tháng được chi trả một lần vào thời gian từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Việc nâng lương hàng năm được thực hiện theo quy định của Nhà nước hiện hành.

Việc khen thưởng được Công ty quan tâm thường xuyên, nhằm khuyến khích động viên cho người lao động. một vào cuối tháng tổ chức bình bầu phân loại lao động, lấy cơ sở bình xét thi đua trong 6 tháng và 1 năm để khen thưởng, hai là các sáng kiến, sáng tạo trong cải tiến công nghệ nhằm phát triển sản xuất, giá trị khen thưởng dựa vào kết quả lợi nhuận sản xuất kinh doanh trong 06 tháng và 1 năm.

Hàng năm, Công ty tổ chức khám sức khoẻ định kỳ cho toàn bộ người lao động, tổ chức du lịch và rèn luyện phong trào văn, thể, mỹ…

10. Chính sách cổ tức

Từ khi Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu thành công ty cổ phần từ tháng 2 năm 2006, Đại hội cổ đông sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng Quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của năm tới.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất quyết định tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ là 50% trên vốn điều lệ 10 tỷ đồng trong năm 2007, chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 40% trong năm 2008. Công ty dự kiến chia 15% cổ tức trên vốn điều lệ mới 60 tỷ đồng trong giai đoạn 2009 - 2011.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 1/1/2006 kết thúc vào 31/12/2006. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày bằng đồng Việt Nam, được lập dựa trên các quy định hiện hành về kế toán Việt Nam.

11.1.1 Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty áp dụng trích khấu hao theo Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành chế độ quản lý. sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao thao phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao áp dụng tại Công ty:

	Năm 2008
▪ Nhà cửa, vật kiến trúc :	03 – 10 năm
▪ Máy móc, thiết bị :	03 – 07 năm
▪ Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn :	05 - 06 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý:	03 năm

11.1.2 Thu nhập bình quân

Biểu 10: Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2008	6 Tháng đầu năm 2009
Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty (đồng)	3.740.627	3.400.000

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2008 được kiểm toán và báo cáo tài chính 30/06/2009 của HGM

Đây là mức thu nhập khá so với các doanh nghiệp khác trong ngành và so với các doanh nghiệp khác trên địa bàn tỉnh Hà Giang. Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng điều đó chứng tỏ chính sách đãi ngộ đối với người lao động và hiệu quả sử dụng lao động là tốt.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế VAT, thuế xuất khẩu, thuế tài nguyên và các khoản phải nộp khác theo đúng quy định của Nhà nước.

11.1.5 Trích lập các quỹ

Sau khi kết thúc niên độ tài chính (31/12), Công ty tiến hành trích lập các quỹ trên cơ sở từ lợi nhuận sau thuế đạt được. Các quỹ như: quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tỷ lệ trích lập tùy theo kết quả kinh doanh trong năm sản xuất và mục tiêu phát triển của Công ty đồng thời phù hợp với điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật.

Biểu 11: Mức trích lập các quỹ của năm 2008 như sau:

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2008
Quỹ đầu tư và phát triển	36.860.205.333
Quỹ dự phòng tài chính	2.500.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.323.644.964
Quỹ khác	1.328.815.077
Tổng cộng	44.012.665.374

(Nguồn: Báo cáo Tài chính được kiểm toán năm 2008 của HGM)

11.1.6 Tổng dư nợ vay

Tại thời điểm 31/12/2008 và 30/06/2009, tình hình nợ vay của Công ty như sau:

Biểu 12: Tình hình vay nợ của công ty

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2008	30/06/2009
Vay và nợ ngắn hạn	-	-
Vay và nợ dài hạn	174.187.512	-
Vay và nợ quá hạn	Không có	Không có

(Nguồn: Báo cáo Tài chính năm 2008 được kiểm toán và báo cáo tài chính 30/06/ 2009 của HGM)

11.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Biểu 13: Các khoản phải thu:

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2008	30/06/2009
	Tổng số	Tổng số
Phải thu của khách hàng	21.342.243.970	19.331.643.562
Trả trước cho người bán	1.129.056.359	693.161.288
Các khoản phải thu khác	7.678.593.003	337.575.270
Tổng cộng	**30.149.893.332**	**20.362.380.120**

(Nguồn: Báo cáo Tài chính năm 2008 được kiểm toán và báo cáo tài chính 30/06/ 2009 của HGM)

Chính sách bán hàng của Công ty đối với sản phẩm Antimon là khoản phải thu dựa theo hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.
Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

11.1.8 Hàng tồn kho

Biểu 14: Hàng tồn kho:

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2008	30/06/2009
Hàng tồn kho	7.809.913.321	16.748.720.503

(Nguồn:Báo cáo Tài chính năm 2008 được kiểm toán và báo cáo tài chính 30/06/ 2009 của HGM)

Số dư hàng tồn kho tại cuối mỗi kỳ kế toán của Công ty đều lớn nguyên nhân là do để đảm bảo thời gian và tiến độ giao hàng đúng hạn cho khách hàng, phần lớn lượng hàng xuất bán của Công ty trong tháng sau đều đã được khai thác và dự trữ trong tháng này. Hàng tồn kho của Công ty vẫn được bảo vệ một cách chặt chẽ và do đặc tính của sản phẩm nên không có khả năng hàng tồn kho bị hư hỏng, hao mòn hay mất phẩm chất trong quá trình bảo quản.

Biểu 15: Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2008	30/06/2009
Nợ ngắn hạn	**36.933.067.985**	**6.376.162.134**
Vay và nợ ngắn hạn	-	-
Phải trả cho người bán	6.827.306.798	3.561.494.378
Người mua trả tiền trước	2.000.000	2.000.000
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	1.815.210.088	289.014.169
Phải trả người lao động	1.030.727.631	969.650.500
Chi phí phải trả	320.622.650	1.166.233.108
Các khoản phải trả, phải nộp khác	26.937.200.818	387.769.979
Trong đó:		
Các quỹ của xí nghiệp Hà Vân (*)	5.053.343.776	-
Lãi của xí nghiệp Hà Vân phải trả bên Trung Quốc (**)	21.700.650.649	-
Nợ dài hạn	**174.187.512**	**167.793.912**
Vay và nợ dài hạn	-	-
Phải trả dài hạn khác	9.000.000	9.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	165.187.512	158.793.912
Tổng cộng	**37.107.255.497**	**6.543.956.046**

(Nguồn: Báo cáo Tài chính năm 2008 được kiểm toán và 30/06/2009 của HGM)

Các khoản phải trả công nhân viên thể hiện khoản tiền lương phải trả trong tháng và sẽ được thanh toán vào đầu tháng sau.

(*) Các quỹ của Xí nghiệp Hà Vân được trích từ lợi nhuận được phân chia của các bên Hợp doanh và được sử dụng chung nên không thuộc nguồn vốn của Công ty. Theo thỏa thuận trong Biên bản phân chia lợi nhuận, các khoản đã trích lập các quỹ nếu không sử dụng hết sẽ được hoàn trả lại cho các bên.

(**) Các khoản phải trả, phải nộp khác chủ yếu thể hiện phần lãi được chia lũy kế trong 03 năm (từ tháng 03/2006 đến tháng 12/2008) theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng hợp tác kinh

doanh từ kết quả kinh doanh của Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân của bên Trung Quốc sau khi trừ đi số trích lập các quỹ của Xí nghiệp và phần thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay bên Trung Quốc được phản ánh trên tài khoản phải trả khác

Số dư các khoản phải trả người bán chủ yếu thể hiện các khoản phí vận chuyển, cước phí lưu kho bãi phải trả các đơn vị phát sinh trong tháng.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Biểu 16: Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Đơn vị	31/12/2008
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,81
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,60
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,33
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,51
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,48
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,70
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	45,32%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	35,16%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	%	22,58%
Hệ số lợi nhuận hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	43,68%

Nguồn: Công ty cổ phần Cơ khí và khoáng sản Hà Giang

Nhận xét:

Về khả năng thanh toán:
Khả năng thanh toán của Công ty về các khoản nợ ngắn hạn năm 2008 đạt 2,6 lần. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty phản ánh mức độ ổn định của Công ty trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.

Về cơ cấu vốn:
Tính độc lập của Công ty đối với chủ nợ (ngân hàng, nhà cung cấp…) khá ổn định trong các năm qua. Tỷ lệ nợ/tổng tài sản luôn được duy trì ở dưới 0,35 lần. Các khoản nợ chủ yếu là các khoản phải trả, phải nộp cho nhà cung cấp.

Về hiệu quả hoạt động:
Vòng quay hàng tồn kho từ năm 2008 giảm đạt 5,48/năm là do Công ty sản xuất sản phẩm dự trữ cho các hợp đồng đã ký kết nhưng chưa xuất cho khách hàng.

Về khả năng sinh lời:
Năm 2008 được cho là một trong những năm khó khăn nhất bởi khủng hoảng kinh tế toàn cầu và giá cả bất ổn dẫn đến sự suy giảm các tỷ suất sinh lời. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản là 22,58% và lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là 35,16%.

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán tr ưởng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Ma Ngọc Tiến

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Số CMND : 073187139 cấp ngày 31/10/2005 tại Công an Hà Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/07/1959
- Nơi sinh : Xã Hùng An huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Tày
- Quê quán : Xã Hùng An huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang

- Địa chỉ thường trú : Tổ 17 Phường Nguyễn Trãi thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy, cử nhân chính trị
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
1992 - 1993	Quản Đốc xưởng bia – Công ty Chế biến Nông sản Thực phẩm Hà Giang.
1993 - 1994	Trưởng phòng kỹ thuật Sở Công nghiệp Hà Giang.
1994 - 1995	Giám đốc xí nghiệp Cơ khí Hà Giang.
1995 – 1999	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí và Khai thác khoáng sản Hà Giang.
1999 – 3/2006	Giám đốc Công ty Cơ khí và khai thác Khoáng sản Hà Giang.
3/2006 - 8/2009	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
9/2009 - nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Giám đốc Sở Ngoại vụ tỉnh Hà Giang.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.958.540 cổ phần.

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 2.938.140 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 20.400 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan:

  Vợ: Nguyễn Thị Thoại nắm giữ 60.000 cổ phần, chiếm 1 %
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. Ông Trịnh Ngọc Hiếu

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
- Số CMND : 073014830 cấp ngày 24/11/2005 tại công an Hà Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/12/1965
- Nơi sinh : Xã Vinh Quang huyện Hoàn Su Phì tỉnh Hà Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Hoằng Anh huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, phường Quang Trung, thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
4/1995- 6/1995	Quản đốc phân xưởng gốm -Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang.
6/1995 – 8/1995	Quyền trưởng phòng KHKT - Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang.
9/1995 – 11/1997	Phó Quản đốc phân xưởng Cơ khí – Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang.
12/1997 – 8/1998	Trưởng phòng KHKT kiêm Phó ban quản lý công trình Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
9/1998 – 1/2000	Quản đốc phân xưởng cơ khí - Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang

2/2000 – 2/2006	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
3/2006 – 9/2008	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.
9/2009 đến nay	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần.

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan:

  Vợ: Vũ Thị Vui nắm giữ 54.800 cổ phần, chiếm 0,913 %
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. Ông Phạm Thành Đô

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT - Công ty CP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
- Số CMND : 012006390 cấp ngày 13/01/1997 tại Công an Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 01/01/1978
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định

- Địa chỉ thường trú : 8/ 82 Nguyễn Phúc Lai, Hà nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn ngoại thương : Thạc sỹ quản trị kinh doanh, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
2000 – 2003	Chuyên viên Vụ Kế hoạch và Đầu tư – Bộ Công nghiệp.
2003 – 3/2006	Phó Giám đốc Công ty TNHH Đ&P.
3/2006 – nay:	Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 135.000 cổ phần.

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 135.000 cổ phần
- Số cổ phần của người có liên quan:

  Cha: Phạm Văn Hội nắm giữ 60.000 cổ phần, chiếm 1%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

4. Ông Lê Thanh Tuấn

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang.
- Số CMND : 011835940 cấp ngày 23/07/2002 tại Công an Hà Nội
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 22/05/1979
- Nơi sinh : Hà Nội

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Số 10 Nguyễn Chế Viên, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú : 15, ngõ 97, đường Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế đối ngoại, Thạc sỹ tài chính
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
2002 - 2005	Chuyên viên Vụ Châu Á – Thái Bình Dương, Bộ Thương Mại
2/2008 – nay:	Chuyên viên Ban đầu tư 3 - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước kiêm Thành viên HĐQT Công ty cổ phần cơ khí và khoáng sản Hà Giang.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chuyên viên Ban đầu tư 3 - Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
- Số cổ phần của người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

5. Ông Đào Xuân Tuất

- Chức vụ công tác hiện nay: Ủy Viên HĐQT kiêm trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
- Số CMND : 073215550 cấp ngày 16/11/2006 tại công an Hà Giang
- Giới tính : Nam

- Ngày tháng năm sinh : 25/09/1958
- Nơi sinh : Xã Nam Long huyện Nam Trực tỉnh Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Nam Long huyện Nam Trực tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Tổ 8, phường Minh Khai, thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Lâm Sinh
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
1993 – 1995	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Chế biến Khoáng sản Hà Giang.
1995 – 1996	Quản đốc Phân xưởng khai thác quặng Antimon Công ty Chế biến Khoáng sản Hà Giang.
1996 – 1998	Quản đốc phân xưởng sản xuất phân vi sinh Công ty Cơ khí và khai thác Khoáng sản Hà Giang
1998 – 2002	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
2003 – 3/2006	Trưởng phòng Tổ chức Hành chính kiêm Quản đốc phân xưởng Luyện Antimon Mậu Duệ Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
3/2006 – 3/2008	Ủy Viên HĐQT-Trưởng phòng Tổ chức Hành chính kiêm Quản đốc phân xưởng Luyện Antimon Mậu Duệ Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.
3/2008 – nay:	Ủy Viên HĐQT kiêm trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

- Số lượng cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan:

  Vợ: Phan Thị Hồng nắm giữ 16.000 cổ phần, chiếm 0,266%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi, mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

6. Ông Nguyễn Văn Biên

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang kiêm Phó Giám đốc xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân
- Số CMND : 073019913 cấp ngày 15/08/2007 tại công an Hà Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/03/1964
- Nơi sinh : Xã Nguyễn Trãi huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Nguyễn Trãi huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú : Tổ 8, phường Minh Khai, thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
9/1995- 7/1996	Quản đốc phân xưởng khai thác quặng Antimon Mậu Duệ Yên Minh.

8/1996- 9/1998	Cán bộ phòng kế hoạch kỹ thuật
10/1998-3/1999	Phó Ban xây dựng cơ bản.
9/2000- 5/2002	Quản đốc phân xưởng kiêm Giám đốc điều hành mỏ Antimon Mậu Duệ Yên Minh.
6/2002- 9/2003	Phó Giám đốc Công ty kiêm kiêm Quản đốc phân xưởng khai thác quặng Antimon Mậu Duệ.
10/2003- 2/2006	Phó Giám đốc Công ty.
3/2006 – nay:	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang kiêm Phó Giám đốc xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 5.200 cổ phần

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.200 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

  Vợ: Phan Thị Nga nắm giữ 11.000 cổ phần, chiếm 0,183%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi, mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

BAN KIỂM SOÁT

1. Bà Lương Thị Tuyết

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang kiêm nhân viên phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.
- Số CMND : 073188240 cấp ngày 13/3/2006 tại Công an Hà Giang
- Giới tính : Nữ

- Ngày tháng năm sinh : 20/02/1960
- Nơi sinh : Bệnh viện tỉnh Hà Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Tày
- Quê quán : Xã Hùng An huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang
- Địa chỉ thường trú : Số 240 Tổ 13, phường Nguyễn Trãi, thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh Tế
- Quá trình công tác :

Thời gian công tác	Chức vụ. địa vị công tác
3/1996-6/1999	Phó trưởng Phòng Kinh doanh Công ty ty xăng dầu Hà Giang.
7/1999 – 9/2003	Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty ty xăng dầu Hà Giang.
10/2003- 2/2006	Nhân viên phòng kế hoạch kỹ thuật công ty cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang.
3/2006 – 12/2008	Nhân viên phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang. Kiêm Trưởng Ban kiểm soát công ty.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 5.300 cổ phần.

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.300 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. Ông Nguyễn Hữu Dũng

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật kiêm thành viên Ban kiểm soát Công ty Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
- Số CMND : 073188303 cấp ngày 16/3/2006 tại Công an Hà Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 14/01/1956
- Nơi sinh : Khai Viễn, Vân Nam, Trung Quốc
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Huyện Ý Yên tỉnh Bình Định
- Địa chỉ thường trú : Tổ 1, phường Ngọc Hà, thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Cao đẳng sự phạm
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
10/1985 - 9/1987	Hiệu phó trường thiếu nhi vùng cao Mèo Vạc
10/1987- 10/1993	Giáo viên trường phổ thông cấp II 19/8 Thị xã Hà Giang.
11/1993- 10/1998	Nhân viên phòng kế hoạch Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
11/1998-2/2006	Phó Phòng Kế hoạch Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
3/2006 – 12/2008	Trưởng phòng Kế hoạch kỹ thuật Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số cổ phần nắm giữ: 3.000 cổ phần.

Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

Số cổ phần sở hữu cá nhân: 3.000 cổ phần

- Số cổ phần của những người có liên quan: Không

  Con trai: Nguyễn Hữu Trọng nắm giữ 3.000 cổ phần, chiếm 0,05%

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. Ông Lê Hoài Phong

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang kiêm trưởng phòng tài vụ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân.
- Số CMND : 073934203 cấp ngày 09/3/1996 tại Công an Hà Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 26/07/1960
- Nơi sinh : Nam Đinh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Nam Nghĩa huyện Nam Ninh tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, phường Nguyễn Trãi, thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
5/1994- 6/1995	Phó quyền quản đốc phân xưởng gốm xí nghiệp cơ khí Hà Giang.
7/1995- 9/1996	Phó quyền quản đốc phân xưởng gốm Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
10/1996- 9/1998	Quản đốc phân xưởng khai thác quặng sắt Quyết Tiên- Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.

10/1998- 6/2002	Kế toán phân xưởng Cơ khí- Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
7/2002 – 2/2006	Phó quản đốc Phân xưởng Cơ khí Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
3/2006 – nay:	Trưởng phòng tài vụ Xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 4.200 cổ phần

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 4.200 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông Trịnh Ngọc Hiếu

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị Kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang
- Số CMND : 073014830 cấp ngày 24/11/2005 tại công an Hà Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/12/1965
- Nơi sinh : Xã Vinh Quang huyện Hoàn Su Phì tỉnh Hà Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Hoằng Anh huyện Hoằng Hóa tỉnh Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú : Tổ 2, phường Quang Trung, thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo máy, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
4/1995- 6/1995	Quản đốc phân xưởng gốm -Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang.
6/1995 – 8/1995	Quyền trưởng phòng KHKT - Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang.
9/1995 – 11/1997	Phó Quản đốc phân xưởng Cơ khí – Xí nghiệp Cơ khí Hà Giang.
12/1997 – 8/1998	Trưởng phòng KHKT kiêm Phó ban quản lý công trình Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
9/1998 – 1/2000	Quản đốc phân xưởng cơ khí - Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang

2/2000 – 2/2006	Phó Giám đốc Công ty Cơ khí và Khai thác Khoáng sản Hà Giang.
3/2006 – 9/2009	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.
9/2009 đến nay	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang.

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 100.000 cổ phần.

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 100.000 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan:

  Vợ: Vũ Thị Vui nắm giữ 54.800 cổ phần, chiếm 0,913 %
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. Ông Nguyễn Văn Biên

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang kiêm Phó Giám đốc xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân
- Số CMND : 073019913 cấp ngày 15/08/2007 tại công an Hà Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 15/03/1964
- Nơi sinh : Xã Nguyễn Trãi huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Nguyễn Trãi huyện Ân Thi tỉnh Hưng Yên

- Địa chỉ thường trú : Tổ 8, phường Minh Khai, thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hóa : 10/10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư khai thác mỏ lộ thiên, cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
9/1995- 7/1996	Quản đốc phân xưởng khai thác quặng Antimon Mậu Duệ Yên Minh.
8/1996- 9/1998	Cán bộ phòng kế hoạch kỹ thuật
10/1998-3/1999	Phó Ban xây dựng cơ bản.
9/2000- 5/2002	Quản đốc phân xưởng kiêm Giám đốc điều hành mỏ Antimon Mậu Duệ Yên Minh.
6/2002- 9/2003	Phó Giám đốc Công ty kiêm kiêm Quản đốc phân xưởng khai thác quặng Antimon Mậu Duệ.
10/2003- 2/2006	Phó Giám đốc Công ty.
3/2006 – nay:	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang kiêm Phó Giám đốc xí nghiệp Hợp doanh Hà Vân

- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 5.200 cổ phần

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 5.200 cổ phần
- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có

  Vợ: Phan Thị Nga nắm giữ 11.000 cổ phần, chiếm 0,183%
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- Quyền lợi, mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Ông Đỗ Khắc Hùng

- Số CMND : 073188312 cấp ngày 20/3/2006 tại Công an Hà Giang
- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 10/03/1974
- Nơi sinh : Xã An Đạo huyện Phù Ninh tỉnh Phú Thọ
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã An Đạo huyện Phù Ninh tỉnh Phú Thọ
- Địa chỉ thường trú : Tổ 17, phường Nguyễn Trãi, thị xã Hà Giang
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh kế
- Quá trình công tác:

Thời gian công tác	Chức vụ, địa vị công tác
7/1993 – 8/1995	Nhân viên phòng kế toán Xí nghiệp cơ khí Hà Giang
9/1995 – 7/2000	Nhân viên phòng kế toán Công ty cơ khí và khai thác Khoáng sản
8/2000- 2/2006	Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty Cơ khí và khai thác khoáng sản Hà Giang.
3/2006- nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang

- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty CP Cơ khí và khoáng sản Hà Giang.
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 24.000 cổ phần

  Trong đó: Số cổ phần đại diện cho phần vốn của Nhà nước: 0 cổ phần

  Số cổ phần sở hữu cá nhân: 24.000 cổ phần

- Số cổ phần của những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và các lợi ích khác: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

13. Tài sản của Công ty

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2008:

Biểu 17: Các tài sản của Công ty

Đơn vị: đồng

TT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số năm khấu hao	Nguyên giá	Khấu hao luỹ kế	Giá trị còn lại
	NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC					
1	Nhà trụ sở văn phòng, nhà cấp II	1996	**15**	1.318.600.000	633.641.553	684.958.446
2	Nhà xưởng sửa chữa ôtô(Kho Cty)	1996	**5**	225.966.846	188.484.299	37.482.547
3	Cổng hàng rào văn phòng Công ty	1996	**5**	147.262.800	147.262.800	0
4	Nhà bảo vệ phân xưởng	1998	**5**	44.100.000	44.100.000	0
5	Hệ thống điện phân xưởng khai thác	2003	**4**	20.733.000	20.733.000	0
6	Hệ thống điện phân xưởng luyện	2003	**4**	211.665.440	211.665.440	0
7	Nhà sản xuất phân xưởng luyện	2003	**10**	1.048.155.654	628.893.392	419.262.262
8	Nhà văn phòng+phòng phân tích	2004	**6**	119.342.000	102.103.711	17.238.289
9	Kho để kim loại bán mái	2004	**6**	77.844.000	66.599.867	11.244.133
10	Nhà đặt hút gió+nén khí	2004	**6**	68.538.968	58.638.895	9.900.073
11	Nhà bếp + nhà ăn 4 gian	2004	**6**	111.122.000	95.071.044	16.050.956
12	Nhà tắm, nhà vệ sinh khu sản xuất	2004	**6**	43.100.000	36.874.444	6.225.556
13	Nhà tắm, bể nước + vệ sinh.	2004	**6**	15.000.000	12.833.333	2.166.667
14	Ống khói + kênh dẫn khói	2004	**5**	571.428.571	571.428.571	0
15	Nhà tập thể 2 tầng	2005	**15**	844.329.538	225.154.544	619.174.995

TT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số năm khấu hao	Nguyên giá	Khấu hao luỹ kế	Giá trị còn lại
	phân xưởng Luyện					
16	Tường rào xưởng luyện	2006	**6**	98.849.370	65.899.580	32.949.790
17	Hệ thống nước thoát nước xưởng luyện	2006	**5**	23.970.712	19.176.570	4.794.142
18	Đập kè phân xưởng khai thác	2006	**6**	79.970.111	53.313.407	26.656.704
19	Hệ thống đường nước phân xưởng khai thác	2006	**5**	64.480.782	51.584.626	12.896.156
20	Sân văn phòng xưởng luyện	2006	**5**	47.096.100	37.676.880	9.419.220
21	Nhà Văn phòng xí nghiệp Hà Vân	2006	**4**	583.323.400	583.323.400	0
22	Nhà hóa nghiệm xí nghiệp Hà Vân	2006	**3**	23.605.923	23.605.923	0
23	Đường điện 0.4 xí nghiệp Hà Vân	2006	**5**	77.193.172	77.193.172	0
24	Nhà phân xưởng khai thác xí nghiệp Hà Vân	2006	**3**	38.306.909	38.306.909	0
25	Nhà văn phòng + hệ thống điện phân xưởng khai thác Sb	2006	**4**	176.386.259	132.289.694	44.096.565
26	Kho mìn Phân xưởng khai thác	2006	**4**	43.942.093	32.956.570	10.985.523
27	Trạm biến áp 35 KV – xí nghiệp Hà Vân	2006	**5**	1.050.485.242	1.050.485.242	0
28	Hệ thống đường nước Xưởng luyện	2006	**3**	40.195.496	30.146.622	10.048.874
29	Nhà để xỉ sođa phân xưởng Luyện	2006	**4**	21.160.020	11.902.511	9.257.509
30	Hệ thống đường nước phân xưởng khai thác antimon	2006	**3**	42.029.200	31.521.900	10.507.300
31	Kho mìn phân xưởng khai thác chì kẽm	2006	**3**	46.261.971	34.696.478	11.565.493
32	Hệ thống đường điện phân xưởng khai thác	2006	**3**	30.337.070	22.752.803	7.584.267

TT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số năm khấu hao	Nguyên giá	Khấu hao luỹ kế	Giá trị còn lại
	Chì kẽm					
33	Nhà kho than phân xưởng Luyện	12/1/2008	**4**	31.127.079	8.430.251	22.696.828
34	Nhà bảo vệ phân xưởng khai thác Antimon	1/1/2009	**4**	69.297.646	17.324.412	51.973.235
35	Hệ thống phụ trợ phân xưởng khai thác Antimon	4/1/2009	**3**	80.230.946	17.829.099	62.401.847
	MÁY MÓC THIẾT BỊ					
1	Máy búa 150	1972	**6**	60.000.000	60.000.000	0
2	Máy phay đứng X61	1972	**6**	60.000.000	60.000.000	0
3	Máy phay ngang	1972	**6**	50.000.000	50.000.000	0
4	Máy khoan cần Z 32	1972	**6**	35.000.000	35.000.000	0
5	Máy tiện (cưa) G72	1972	**6**	16.000.000	16.000.000	0
6	Máy tiện C 630	1972	**6**	100.000.000	100.000.000	0
7	Máy tiện C 620-1	1972	**6**	60.000.000	60.000.000	0
8	Máy nén khí 25/5	2003	**6**	13.500.000	13.500.000	0
9	Máy phát điệnHINO 150/125 KVA	2003	**6**	250.000.000	250.000.000	0
10	HT dây truyền thiêu kết (2cụm lò)	2003	**3**	2.100.000.000	2.100.000.000	0
11	HT dây truyền tinh luyện	2003	**6**	1.100.000.000	1.100.000.000	0
12	Máy nghiền hàm PE250x320	2003	**5**	40.000.000	40.000.000	0
13	Thiết bị phòng hoá nghiệm phân xưởng luyện	2003	**5**	75.290.165	75.290.165	0
14	Hệ thống điện Văn phòng Công ty	1996	**3**	80.000.000	80.000.000	0
15	Máy cắt đột liên hoàn	1972	**5**	20.000.000	20.000.000	0

TT	Tên tài sản	Năm sử dụng	Số năm khấu hao	Nguyên giá	Khấu hao luỹ kế	Giá trị còn lại
16	Máy xúc HITACHI U7	2005	**7**	81.814.060	63.619.946	18.194.114
17	Máy điều hoà LG 24000BTU	2006	**6**	18.500.000	18.500.000	0
18	Máy vi tính+Máy in	2006	**5**	10.750.000	10.750.000	0
19	Máy nén khí Phân xưởng khai thác	2006	**4**	12.000.000	12.000.000	0
20	Máy nén khí Phân xưởng khai thác	2006	**3**	14.000.000	14.000.000	0
21	Máy xúc lật LIUGONG xí nghiệp Hà Vân	2006	**3**	342.237.756	342.237.756	0
22	Máy xúc lật LIUGONG phân xưởng khai thác	2006	**3**	344.452.381	172.226.191	172.226.191
23	Máy cắt gạch	2006	**3.5**	21.108.255	21.108.255	0
24	Hệ thống băng tải Phân Xưởng Luyện	2007	**7**	75.885.714	39.207.619	36.678.095
25	Hệ thống trạm nghiền Phân xưởng luyện	2008	**3**	757.626.762	189.406.691	568.220.072
26	Máy phát điện 330KVA	1/1/2009	**5**	1.341.083.800	223.513.967	1.117.569.833
27	Lò nung phân tích than Phân xưởng luyện	4/1/2009	**5**	15.460.000	3.865.000	11.595.000
	PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI					
1	Xe ben ĐôngFong 5T (23H 0211)	1997	**6**	255.051.519	255.051.519	0
2	Xe ôtô 4chỗ TOYOTACAMRY 3.0	2006	**10**	930.338.275	325.618.397	604.719.879
3	Xe ôtô For everet 7chỗ - VP	2007	**10**	636.257.359	228.050.326	408.207.033
4	Xe ôtô ben 3,5T Thăng Long	2007	**5**	217.089.386	104.926.537	112.162.849
5	Xe ôtô tải 3,5Tấn Hoa Mai	12/1/2008	**5**	277.128.571	60.044.524	217.084.047
6	Xe ôtô tải 3,5Tấn Hoa Mai	12/1/2008	**5**	277.128.571	60.044.524	217.084.047
	THIẾT BỊ DỤNG CỤ QUẢN LÝ					

1	Máy photocopy Ricon 4495	1995	**3**	45.000.000	45.000.000	0
2	2 Máy vi tính ĐNA+1máy inCanon	2003	**3**	20.000.000	20.000.000	0
3	Máy tính xách tay IBM	2006	**3**	13.523.810	13.523.810	0
4	Điện thoại không dây XLIN LS01/450	2006	**3**	41.000.000	41.000.000	0
5	Điều hoà PANASONIC 18 BTU	2006	**4**	26.000.000	26.000.000	0
6	Máy tính xách tay Acer	2007	**3**	15.258.095	13.138.917	2.119.178
7	Máy tính xách tay NEC 6200	2008	**3**	27.835.794	18.557.196	9.278.598
8	Máy photo RICON MP200	2008	**3**	36.250.000	24.166.661	12.083.339
	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC					
1	Chi phí đầu tư công nghệ và công nghệ luyện Antimon	2003	**5**	2.316.881.542	2.105.500.640	211.380.902
2	Chi phí đề tài chì - kẽm	2005	**3**	380.554.359	380.554.359	0
3	Đất thổ cư Phường Trần Phú	2006	**5**	55.560.105	0	55.560.105
	Tổng cộng			**20.201.004.59**	**14.275.303.93**	**5.925.700.658**

Biểu 18: Giá trị từng loại tài sản tại 31/12/2008

Đơn vị: đồng

	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.407.015.526	2.855.307.742	39%
Máy móc thiết bị	7.079.248.893	2.612.939.276	37%
Phương tiện vận tải	2.592.993.681	1.870.186.724	72%
Thiết bị quản lý	224.867.699	66.766.379	30%
Cộng	**17.304.125.799**	**7.405.200.121**	**43%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty năm 2008 đã kiểm toán)

Giá trị từng loại tài sản tại 30/09/2009

	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.535.438.318	2.363.152.969	31%
Máy móc thiết bị	7.299.255.120	2.229.086.636	30%
Phương tiện vận tải	3.230.506.708	1.636.990.072	51%
Thiết bị quản lý	265.003.413	34.302.430	13%
Cộng	**18.330.203.559**	**6.263.532.107**	**34%**

(Nguồn: Báo cáo tài chính của Công ty)

Tình hình sử dụng đất đai, nhà xưởng như sau:

Biểu 19: Danh sách đất thuê của Nhà nước công ty đang sử dụng

STT	Diễn giải	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mục đích sử dụng
1	Đất và nhà tại Số 390, đường Nguyễn Trãi, thị xã Hà Giang, tỉnh Hà Giang	1270	285	Văn phòng Công ty

	Tổng cộng	**1270**	**285**

Biểu 20: Danh sách đất Công ty đang sở hữu quyền sử dụng

STT	Diễn giải	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mục đích sử dụng
1	Mỏ Mậu Duệ, xã Mậu Duệ, huyện Yên Minh, Hà Giang diện tích giới hạn bởi các điểm góc 1, 2, 3, 4 có trị số tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác mỏ.	352.000	130940,7	Mỏ khai thác quặng antimon
2	Xã Mậu Duệ - huyện Yên Minh - tỉnh Hà Giang	41.170,0	40.383,0	Nhà máy luyện Antimon
	Tổng cộng	**393170,0**	**171323,0**	

(Nguồn: Công ty CP Cơ khí và khoáng sản Hà Giang)

14. Kế hoạch hoạt động của Công ty trong những năm tới

14.1 Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức giai đoạn 2009 - 2011

Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ

Điểm mạnh

- Antimon là một kim loại hiếm trên thế giới. Được ứng dụng trong các ngành công nghiệp phát triển. Sản phẩm antimon A-H thỏi của Công ty Cổ phần Cơ khí và khoáng sản Hà Giang đạt tiêu chuẩn quốc tế với hàm lượng 99,95%, được khách hàng quốc tế công nhận.
- Trữ lượng khai thác antimon hiện nay của Công ty mới đạt hơn 70% công suất. Cùng với kế hoạch thăm dò và đi vào khai thác mỏ Mậu duệ I và III, cùng với tham dò mỏ Bó mới, hứa hẹn việc sản lượng khai thác, tiêu thụ của Công ty sẽ ổn định và có tiềm năng tăng trưởng.
- Các mỏ quặng atimon, chì kẽm của Công ty đề là mỏ lộ thiên nên chi phí khai thác cạnh tranh. Các xưởng khai thác được xây dựng tập trung ngay tại mỏ khai thác, tạo thành một

dây chuyền khép kín, khai thác - chế biến – tồn trữ - tiêu thụ. Điều này giúp làm giảm chi phí vận chuyển, hạ giá thành sản phẩm nhập kho và giá bán sản phẩm tiêu thụ.

- Bộ máy điều hành của Công ty có năng lực, trình độ và kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, khai tuyển.
- Cán bộ làm chủ được công nghệ khai tuyển
- Dây truyền công nghệ tuyển quặng, máy móc, thiết bị cơ giới chất lượng tốt, đảm bảo nhu cầu hoạt động khai tuyển của Công ty.

Điểm yếu

- Các mỏ Antimon nằm rải rác, ổ mạch len lỏi giữa trong các sườn đồi núi trong khu vực khai thác.Các mỏ quặng cách xa nhau và trữ lượng không đồng đều. Từ các mỏ này sang các mỏ khác có thể phải mở đường liên thông để khai thác. Địa hình đồi dốc, khe suối nhiều. Khi thời tiết mưa, đường giao thông nội mỏ bị sạt lở nhiều gây tốn kém nhiều chi phí.
- Dây truyền tuyển quặng của Công ty có công nghệ Trung Quốc nên sản phẩm có độ bền, độ chính xác hạn chế.
- Công tác quản lý kỹ thuật, quản lý nhân sự, kiểm tra, giám sát định mức kỹ thuật cần phải được chú trọng hơn.
- Cơ sở khách hàng chỉ tập trung vào một số khách hàng truyền thống, chưa được mở rộng.

Cơ hội

- Cơ hội tăng giá antimon và chì kẽm trong dài hạn bởi nhu cầu rất lớn từ Trung Quốc.
- Công ty được hưởng ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính và công văn số 3654/TCT-CS ngày 30/09/2008 của Tổng cục Thuế.
- Việc thực hiện niêm yết cổ phiếu trên Sàn Giao dịch Chứng khoán dự kiến vào quý IV năm 2009 sẽ mở ra kênh huy động vốn mới, đáp ứng nhu cầu phát triển của HGM

Thách thức

- Công ty có địa bàn xa, chi phí vận chuyển lớn
- Điện phục vụ sản xuất không được ổn định,
- Thời tiết không thuận lợi, mưa nhiều. Mưa gây lũ lụt và sạt lở đất, làm gián đoạn công tác khai tuyển.
- Phụ thuộc vào chính sách xuất khẩu của Nhà nước

- Công tác khai tuyển ảnh hưởng lớn đến môi trường đòi hỏi Công ty phải áp dụng ngặt nghèo các tiêu chuẩn về môi trường.

14.2 Định hướng phát triển của Công ty trong giai đoạn 2009 – 2013

- Tiến hành thăm dò chi tiết các khu vực đã được xác định có chứa quặng, tiếp tục thăm dò khảo sát địa chất ở những khu vực khác trên địa bàn tỉnh mà Công ty chưa triển khai khảo sát, từng bước phối hợp với Tỉnh Hà Giang để xúc tiến các bước khai thác các mỏ quặng mới. Trên cơ sở trữ lượng quặng ước tính, xây dựng kế hoạch phát triển bền vững về mặt dài hạn. Tiến hành đầu tư ra ngoài doanh nghiệp với tư cách là nhà đầu tư chiến lược vào các doanh nghiệp đã được cấp mỏ antimon ở trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao nguồn cung nguyên liệu đầu vào.

Các mục tiêu cụ thể như sau:

- Công ty đã ngừng hợp tác kinh doanh khai khác quăng chì và kẽm với đối tác Trung Quốc do đã hết hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh ký ngay 20/10/2003 (thời hạn 5 năm kể từ ngày ký). Công ty đang nghiên cứu tự khai thác sản xuất tinh chì kẽm.
- Từ nay đến năm 2011: Xúc tiến chương trình tham gia đầu tư vào các mỏ Antimon đã được cấp phép nhưng không có khả năng khác thác, chế biến. Đổi mới thiết bị công nghệ luyện tinh, công nghệ xử lý chất thải, khí thải, đầu tư xưởng tuyển để tận thu quặng có hàm lượng từ 1-3%. Nâng sản lượng sản xuất lên 1000 tấn/năm.
- Từ năm 2010 - 2011: quy hoạch lại vùng mỏ Mậu Duệ và tiến hành thăm dò bổ sung mỏ Mậu Duệ I và III.
- Công ty đang đầu tư xây dựng mới lò luyện xỉ để tận thu từ việc tái chế kim loại Antimon ra từ nguồn xỉ để lại.
- Định hướng phát triển của Công ty là tiếp tục coi antimon là sản phẩm chiến lược, tinh quặng chì kẽm là sản phẩm trước mắt.
- Không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, từng bước đổi mới công nghệ để hạ thấp giá thành, bảo vệ môi trường, tiến đến đầu tư xây dựng lò luyện bô xít Antimon cao cấp để ổn định thị trường tiêu thụ. Đảm bảo hài hòa ba nghĩa vụ: nộp thuế Nhà nước, lợi ích của người lao động và tích lũy tái đầu tư phát triển bền vững.
- Giữ vững và mở rộng trị trường xuất khẩu và thị phần.
- Tận dụng lợi thế của Công ty để đầu tư sang các ngành khác làm cân bằng lợi thế trong thời kỳ khủng hoảng. Tích lũy tài chính để chuyển đổi sang kinh doanh các dự án có điều kiện phát triển lâu dài như trồng rừng, chế biến gỗ.

Nhân lực

- Cải tiến hệ thống quản lý của Công ty theo hướng hiệu quả, chuyên nghiệp, hiện đại. Củng cố tổ chức nhân sự, nâng cao tính chủ động về trách nhiệm của các cán bộ công nhân viên.
- Đầu tư cho hệ thống thông tin quản lý, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Sản xuất

- Nghiên cứu cải tiến quy trình, công nghệ sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng hàm lượng quặng khai thác.
- Đảm bảo chất lượng sản phẩm theo những tiêu chuẩn quy định và của Công ty với khách hàng, giao hàng đúng thời gian và số lượng.

Đầu tư

- Giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng thêm dây chuyền tuyển trọng lực và nâng công xuất của nhà máy.
- Nâng cấp và trang bị mới cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc.
- Mở rộng khai thác các mỏ quặng Mậu Duệ I , III và kế hoạch thăm dò mỏ Bó Mới.

Kế hoạch cụ thể như sau:

Stt	Nội dung	Mục tiêu đầu tư (hạng mục)	Tổng mức đầu tư 2009 (đ)	Nguồn vốn	Thời gian hoàn thành
I	**Dự án**				
1	Đầu tư thăm dò trữ lượng mỏ Antimon Mậu Duệ	Quy hoạch, thăm dò toàn bộ diện tích khu mỏ Nghiên cứu khả thi xây dựng xưởng tuyển antimon công suất 50 – 100 tấn/ ngày với công nghệ kết hợp thu hồi được Antimon ở cả dạng Sunfur và Ôxits	300.000.000	Chủ sở hữu	Năm 2009
2	Đề án đầu tư thăm dò trữ lượng mỏ Bó mới – Thâm Tiềng	Thực hiện sau khi đề án được phê duyệt			6 tháng kể từ khi đề án được phê duyệt
II	**Đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ SXKD**				
1	Đầu tư xây mới lò luyện sỉ	Lò luyện sỉ với diện tích buồng lò 7,2 m^2 . - Cân ô tô điện tử 60 tấn. - Xây kè, sân bê tông, rãnh thoát	1.800.000.000	Chủ sở hữu	Năm 2009

	nước. - Nhà sửa chữa Cơ khí. - Nhà che than, quặng. - Hệ thống sử lý khí lò của xưởng luyện.

(Nguồn: Công ty CP Cơ khí và khoáng sản Hà Giang)

Tài chính

- Tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán để nâng cao vị thế tài chính, hình ảnh, tăng cường sự hiểu biết và quan tâm của nhà đầu tư và khách hàng đối với Công ty và sản phẩm của Công ty, tạo dựng hình ảnh tích cực của Công ty đối với xã hội và nhà đầu tư.
- Quản lý tài chính minh bạch, công khai.
- Quản lý chặt chẽ công nợ của từng khách hàng cụ thể.

Nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới

- Công ty sẽ kết hợp cùng đối tác nghiên cứu chế biến các sản phẩm từ quặng Antimon để tạo ra sản phẩm mới có giá trị gia tăng cao hơn mà thị trường đang có nhu cầu. Cũng như Công ty đang đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất, nâng cao công suất và đầu tư thêm vào công nghệ tuyển trọng lực.

Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức giai đoạn 2009 - 2011

Biểu 21: Kế hoạch lợi nhuận, cổ tức 2009 -2011

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011	
	Giá trị	Giá trị	(%) thay đổi so với 2009	Giá trị	(%) thay đổi so với 2010
Vốn Điều lệ	60.000.000.000	60.000.000.000	0%	60.000.000.000	0%
Doanh thu thuần	52.500.000.000	95.000.000.000	181%	110.000.000.000	15,78%
Lợi nhuận sau thuế	15.000.000.000	20.000.000.000	33,3%	25.000.000.000	25%
LN sau thuế / doanh thu thuần	28,57%	21%	7,57%	30,9%	9,9%
LN sau thuế / Vốn chủ sở hữu	25%	33,33%	8,33%	28,33%	5%

Cổ tức	15%	15%	0%	15%	0%

(Nguồn: Công ty CP Cơ khí và khoáng sản Hà Giang)

14.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận trong những năm tiếp theo của Công ty được xác định dựa trên tình hình kinh doanh hiện tại, sản lượng tiêu thụ dự kiến và dự đoán biến động giá cả antimon, chì , kẽm trên thị trường.

Các khách hàng chính của Công ty là các đối tác nước ngoài, chủ yếu là các công ty Nhật Bản, Trung Quốc và Châu Âu, là các đối tác có quan hệ kinh doanh lâu năm và ổn định. Hợp đồng với các khách hàng lớn này thường được Công ty ký kết 6 tháng/lần hoặc 1 năm/lần. Do chất lượng sản phẩm của Công ty ngày càng được cải thiện, đáp ứng được yêu cầu của khách hàng nên lượng quặng khai thác đều được tiêu thụ hết và đơn hàng ngày càng tăng.

Năm 2008 Công ty đã mở rộng xin khai thác thêm 02 mỏ mới tại điểm Mậu Duệ I, III và thăm dò mỏ Bó Mới. Công ty có kế hoạch đầu tư xây dựng thêm nhà xưởng vào cuối năm 2009 để tăng công xuất hiện tại cho sản phẩm chính của công ty là Antimon và giúp Công ty sử dụng nguồn quặng một cách hiệu quả hơn.

Bên cạnh sự gia tăng về sản lượng khai thác và tiêu thụ, Công ty dự đoán giá tiêu thụ sản phẩm antimon và tinh quặng chì, kẽm của Công ty trong các năm tiếp theo cũng dự kiến tăng đều (10% - 20% tùy từng loại sản phẩm) do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm Antimon từ Trung Quốc và Nhật Bản là rất lớn. Hơn thế nữa, Chính phủ Trung Quốc đã ra chính sách khuyến khích nhập khẩu Antimon và hạn chế xuất khẩu để phục vụ tiêu thụ trong nước là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới giá Antimon tăng trưởng bền vững trong trung và dài hạn.

Tính đến 30/06/2009, doanh thu của Công ty đạt 18,77 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 4,75 tỷ đồng tương ứng với 35,75% và 31,66% so với kế hoạch 2009. Ước tính lợi nhuận luỹ kế sau thuế 9 tháng năm 2009 của Công ty đạt khoảng 11 tỷ đồng đạt 73% so với kế hoạch năm 2009. Doanh thu Quý I và Quý II thấp so với các quý khác trong năm là do yếu tố hai yếu tố chính: (1) Quý I thường là quý có thời gian nghỉ lễ tết nhiều và khách hàng chủ yếu của doanh nghiệp là các Công ty Nhật bản và Trung Quốc. Do vậy thời gian hoạt động kinh doanh của Công ty lẫn khách hàng đều ít hơn các quý khác dẫn đến sản lượng và doanh thu thường thấp hơn; (2) yếu tố mùa vụ cũng ảnh hưởng do Quý I và Quý II thời tiết khu vực Bắc Trung Bộ thường có mưa, không khí ẩm ướt không thuận tiện cho việc khai thác và dự trữ quặng, do vậy sản lượng khai thác và doanh thu giảm so với các quý khác trong năm. Bên cạnh đó thời điểm Quý I và Quý II là thời điểm đầu năm tài chính khi mà Công ty bắt đầu triển khai xây dựng chỉ tiêu và kế hoạch khai thác kinh doanh trong năm nên hoạt động kinh doanh không bằng so với các quý III và quý IV trong năm. (3) Giá Antimon trong 06 tháng đầu năm 2009 duy trì ở mức thấp, làm suy giảm doanh thu và lợi nhuận 06 tháng đầu năm của Công ty. Giá Antimon vào thời điểm cuối Quý II

năm 2009 đã tăng gần 50% so với đầu năm 2009. Trong Quý III 2009 giá Antimon đã tăng lên thêm 10% so với Quý II năm 2009. Do đó, doanh thu 6 tháng cuối năm của Công ty dự kiến sẽ tăng, giúp Công ty đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp. Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Khoáng sản Hà Giang cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động. Với tốc độ tăng trưởng các ngành công nghiệp tương đối cao trong giai đoạn vừa qua, cùng với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng trên 6%-7% cho trong nước và khoảng 2% cho thế giới trong giai đoạn tới, nhu cầu quặng Antimon cũng sẽ tăng cao.

Do vậy, với những thế mạnh nổi trội của Công ty về sản xuất thành phẩm Antimon và hơn thế nữa nhu cầu về sản phẩm kim loại Antimon từ phía bạn hàng - Nhật Bản và Trung Quốc là rất lớn. Chúng tôi đánh giá hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có thể duy trì và đạt được tốc độ tăng trưởng cao trong những năm tới.

Tóm lại, nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 3 năm 2009-2011 là có tính khả thi và như vậy thì Công ty cũng đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Công ty

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp, kiện tụng liên quan đến Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá của cổ phiếu niêm yết

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán: **Cổ phiếu phổ thông**

2. Mệnh giá: **10.000 đồng/ cổ phần**

3. Tổng số chứng khoán niêm yết: **6.000.000 cổ phiếu**

4. Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy đinh của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

Khi cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà nội, theo quy định tại Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% cổ phiếu do mình nắm sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

TT	Họ và tên	Chức danh	Số lượng CP	Số lượng CP được chuyển nhượng sau 06 tháng
1	**MA NGỌC TIẾN**	Chủ Tịch HĐQT	20.400	10.200
2	**TRỊNH NGỌC HIẾU**	Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc	100.000	50.000
3	**PHẠM THÀNH ĐÔ**	Ủy viên HĐQT	135.000	67.500
4	**LÊ THANH TUẤN**	Ủy viên HĐQT	0	0
5	**ĐÀO XUÂN TUẤT**	Ủy viên HĐQT	10.000	5.000
6	**LƯƠNG THỊ TUYẾT**	Trưởng Ban kiểm soát	5.300	2.650
7	**NGUYỄN HỮU DŨNG**	Thành viên Ban kiểm soát	3.000	1.500
8	**LÊ HOÀI PHONG**	Thành viên Ban kiểm soát	4.200	2.100
9	**NGUYỄN VĂN BIÊN**	Phó Giám Đốc	5.200	2.600
10	**ĐỖ KHẮC HÙNG**	Kế toán trưởng	24.000	12.000
11	**Tổng cộng**		**307.100**	**153.550**

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu **được tính bằng công thức:**

$$\text{Giá trị sổ sách/CP} = \frac{\text{VCSH thuộc về cổ đông } \textit{(đã loại trừ CP Quỹ và Quỹ khen thưởng phúc lợi)}}{\text{Tổng số CP đang lưu hành}}$$

- Tại thời điểm 31/12/2008, giá trị sổ sách của cổ phiếu của công ty CP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang là:

72.594.902.941 / 1.000.000 = 72.595 đồng/ cổ phiếu

- Tại thời điểm 30/06/2009, giá trị sổ sách của cổ phiếu của công ty CP Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang là:

76.884.098.143/ 6.000.000 = 12.814 đồng/ cổ phiếu

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Sau khi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ (có hiệu lực từ ngày 24/10/2005) về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó qui định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu niêm yết của tổ chức phát hành.

- Hiện tại Công ty không có cổ đông nước ngoài nắm giữ cổ phiếu.

7. Các loại thuế có liên quan

- Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản thuế xuất khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định của Nhà nước. Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế theo quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính và công văn số 3654/TCT-CS ngày 30/09/2008 của Tổng cục Thuế. Theo đó, công ty được áp dụng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có lãi và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm thứ ba công ty hoạt động liên tục có lãi từ khi cổ phần hóa và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Công văn số 555/CT-KTT ngày 31/07/2009 của Cục Thuế Tỉnh Hà Giang, năm 2007 sẽ là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế, năm 2008 trở đi sẽ bắt đầu áp dụng ưu đãi giảm 50% với mức

thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10%. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Hiện nay Công ty đang làm thủ tục xin miễn thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2008. Công ty cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước khi sau khi có quyết định chính thức của Tổng Cục thuế.

- Thuế suất thuế xuất khẩu mặt hàng chì, kẽm trong năm 2008 được thay đổi từ 15% thành 20% theo Quyết định số 35/2008/QĐ-BTC ngày 6/6/2008 và có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng công báo.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT – CHI NHÁNH HÀ NỘI (VCSC-HN)

Địa chỉ	:	Tầng 5, 18 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Điện thoại	:	(84-4) 6.2626.666
Fax	:	(84-4) 6.2782.688
Website	:	www.vcsc.com.vn

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Địa chỉ	:	08 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại	:	(84-4) 3.8524.123
Fax	:	(84-4) 3.8524.143
Website	:	www.deloitte.com/vn

PHỤ LỤC

- **Phụ lục 1:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy phép khai thác mỏ
- **Phụ lục 2:** Điều lệ Công ty
- **Phụ lục 3:** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 và 06 tháng đầu năm 2009
- **Phụ lục 4:** Các tài liệu khác.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	**GIÁM ĐỐC**
MA NGỌC TIẾN	**TRỊNH NGỌC HIẾU**
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT	**KẾ TOÁN TRƯỞNG**
LƯƠNG THỊ TUYẾT	**ĐỖ VĂN HÙNG**

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

NGUYỄN QUANG BẢO